

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU

**TẬP HUẤN HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC
VỀ TĂNG CƯỜNG TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018**

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

Hà Nội, tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| PHẦN I: KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018..... | 1 |
| I. Về chương trình, sách giáo khoa..... | 1 |
| 1. Về chương trình | 1 |
| 2. Sách giáo khoa | 10 |
| II. Quá trình triển khai và kết quả đạt được..... | 11 |
| 1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường | 11 |
| 2. Về đổi mới phương pháp giáo dục | 13 |
| 3. Về đổi mới kiểm tra, đánh giá | 14 |
| PHẦN II: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG THEO CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018..... | 16 |
| I. Những vấn đề chung về xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường..... | 16 |
| 1.1 Mục tiêu của việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường | 16 |
| 1.2. Xây dựng Kế hoạch thời gian thực hiện chương trình | 16 |
| II. Lưu ý đối với một số môn học/hoạt động giáo dục | 17 |
| 1. Môn Khoa học tự nhiên | 17 |
| 2. Môn Lịch sử và Địa lí | 17 |
| 3. Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp | 18 |
| 4. Nội dung giáo dục địa phương | 19 |
| III. QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ | 20 |
| 1. Quản lý thực hiện kế hoạch bài dạy..... | 20 |
| 2. Chỉ đạo đánh giá bài dạy | 21 |
| 2.1. Tiêu chí đánh giá | 21 |
| 2.2. Hướng dẫn đánh giá theo tiêu chí. | 22 |
| 3. Hướng dẫn đổi mới kiểm tra đánh giá..... | 26 |
| 3.1 Đối với các môn học..... | 26 |
| 3.2 Đối với đánh giá hoạt động giáo dục | 27 |
| 4. Quản lý, chỉ đạo tổ chức sinh hoạt tổ/ nhóm chuyên môn. | 27 |
| PHẦN III: CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN, CHUẨN HIỆU TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG | 30 |
| I. Về chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng CSGD phổ thông..... | 30 |
| 1. Giới thiệu chung về chuẩn HT, chuẩn GV | 30 |
| 2. Thực trạng triển khai chuẩn | 31 |
| 2.1. Kết quả đã đạt được..... | 31 |
| 2.2. Một số hạn chế | 33 |
| 3. Một số định hướng sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới | 33 |

| | |
|--|-----------|
| 4. Một số nội dung dự kiến trong dự thảo Luật Nhà giáo | 34 |
| II. Về chế độ làm việc của giáo viên phổ thông | 35 |
| 1. Quy định hiện hành về chế độ làm việc của giáo viên phổ thông | 35 |
| 2. Một số định hướng điều chỉnh | 37 |
| 2.1. Đối với quy định về số tuần dành cho giảng dạy | 37 |
| 2.2. Đối với quy định về việc quy đổi từ tiết dạy qua giờ hành chính | 38 |
| 2.3. Đối với quy định giảm định mức tiết dạy | 38 |
| 3. Một số lưu ý khi thực hiện quy định về chế độ làm việc của giáo viên phổ thông. | 39 |
| PHỤ LỤC (Các văn bản chỉ đạo liên quan) | 41 |

PHẦN I: KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

I. Về chương trình, sách giáo khoa

1. Về chương trình

Chương trình GDPT 2018 đã bám sát các mục tiêu, yêu cầu và cụ thể hóa các nội dung đặt ra trong Nghị quyết 88/2014/QH13 của Quốc hội¹; có tính kế thừa và phát triển, tiếp thu các thành tựu khoa học và kinh nghiệm trên thế giới, có nhiều đổi mới, tiến bộ so với các Chương trình GDPT trước đây. Chương trình GDPT 2018 được thiết kế theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh²; bao gồm những kiến thức cốt lõi, trọng tâm và ổn định trong các lĩnh vực tri thức của nhân loại, được kế thừa từ Chương trình GDPT 2006, tổ chức lại và có bổ sung, cập nhật³. Hệ thống môn học được thiết kế theo hướng bảo đảm cân đối nội dung các lĩnh vực giáo dục, phù hợp với từng cấp học, lớp học; khắc phục sự trùng lặp giữa các môn; giảm số môn học và hoạt động giáo dục⁴, giảm số tiết học⁵, đồng thời áp dụng một số biện pháp nhằm khắc phục tình trạng quá tải; tích hợp sâu ở các lớp học dưới, phân hoá dần ở các lớp

¹ Mục tiêu của Nghị quyết 88/2014/QH13: Đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông nhằm tạo chuyên môn vững chắc, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi học sinh.

² Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã xác định được 05 phẩm chất và 10 năng lực chủ yếu, cốt lõi cần phát triển đối với học sinh phổ thông. 5 phẩm chất gồm: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. 10 năng lực chủ yếu, cốt lõi gồm 3 năng lực chung là: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; 7 năng lực đặc thù (năng lực chuyên môn): năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất. Bên cạnh việc hình thành, phát triển các năng lực cốt lõi, chương trình giáo dục phổ thông còn góp phần phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu của học sinh.

³ Hầu hết tên các môn học được giữ nguyên như chương trình hiện hành và bổ sung thêm tên gọi một số môn học mới trên cơ sở tái cấu trúc các môn học hiện có. Cụ thể, ở cấp tiểu học: môn học Tin học và Công nghệ được đổi tên từ môn học Kỹ thuật và bổ sung nội dung phần Tin học (trong chương trình hiện hành, môn Tin học đã được dạy từ lớp 3 như môn học tự chọn); môn Ngoại ngữ là môn học đã được dạy từ lâu ở nhiều trường, thậm chí học sinh ở nhiều khu vực có điều kiện kinh tế xã hội phát triển còn được làm quen từ bậc học mầm non. Ở cấp THCS, môn Khoa học tự nhiên được xây dựng trên cơ sở tích hợp kiến thức của các ngành vật lý, hóa học, sinh học và khoa học trái đất; môn Lịch sử - Địa lý được tích hợp kiến thức của hai phân môn Lịch sử và Địa lý. Hoạt động trải nghiệm (hoặc Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp) ở cả 3 cấp học được xây dựng trên cơ sở các hoạt động giáo dục tập thể như sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, sinh hoạt đoàn, đội và các hoạt động tham quan, lao động hướng nghiệp, thiện nguyện, phục vụ cộng đồng... trong chương trình hiện hành.

⁴ Nhờ thực hiện dạy học tích hợp và sắp xếp lại kế hoạch giáo dục ở các cấp học, Chương trình giáo dục phổ thông mới giảm được số môn học so với chương trình 2006. Theo chương trình tiểu học mới, lớp 1 và lớp 2 có 7 môn học; lớp 3 có 9 môn học; lớp 4 và lớp 5 có 10 môn học. Trong chương trình 2006, lớp 1, lớp 2 và lớp 3 có 10 môn học; lớp 4 và lớp 5 có 11 môn học. Chương trình mới của các lớp THCS đều có 12 môn học. Trong chương trình 2006, lớp 6 và lớp 7 có 16 môn học; lớp 8 và lớp 9 có 17 môn học. Chương trình mới của các lớp THPT đều có 12 môn học. Trong chương trình 2006, lớp 10 và lớp 11 có 16 môn học; lớp 12 có 17 môn học.

⁵ Ở tiểu học, học sinh học 2.838 giờ (Chương trình 2006, học sinh học 2.353 giờ). Chương trình mới là chương trình học 2 buổi/ngày (9 buổi/tuần), tính trung bình học sinh học 1,8 giờ/lớp/buổi học; có điều kiện tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí nhiều hơn (Chương trình 2006 học 1 buổi/ngày, tính trung bình học sinh học 2,7 giờ/lớp/buổi học). Ở THCS, học sinh học 3.070 giờ (Chương trình 2006, học sinh học 3.124 giờ). Ở THPT, học sinh học 2.284 giờ (Chương trình 2006, học sinh Ban cơ bản học 2.546 giờ; học sinh Ban A, Ban C học 2.599 giờ).

học trên. Tính kết nối giữa các lớp học, cấp học, giữa các chương trình môn học được bảo đảm. Nội dung môn học cơ bản được tinh giản, giảm tính hàn lâm, tăng cường thực hành, vận dụng thực tế và gắn với thực tiễn đời sống. Chương trình tổng thể chia GDPT thành hai giai đoạn: Giai đoạn giáo dục cơ bản (từ lớp 1 đến lớp 9) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (từ lớp 10 đến lớp 12). Ở giai đoạn định hướng nghề nghiệp, bên cạnh một số môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, học sinh được lựa chọn những môn học, chuyên đề phù hợp với sở thích, năng lực và định hướng nghề nghiệp của mình.

Điểm mới của Chương trình GDPT 2018

| STT | NỘI DUNG | Chương trình 2006 | Chương trình 2018 |
|------------|---|--|---|
| 1 | Quan điểm, mục tiêu của Chương trình GDPT | <p>- Quan điểm: Theo định hướng nội dung, dạy học theo mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng.</p> <p>Chỉ đạo theo hướng tập trung, thống nhất.</p> <p>- Mục tiêu: Giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p> | <p>- Quan điểm: Theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất. Các năng lực, phẩm chất này đều được cụ thể hóa bằng những yêu cầu cần đạt ở từng môn học, cấp học.</p> <p>Sự đổi mới toàn diện và đồng bộ: từ chương trình, SGK, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.</p> <p>Chỉ đạo theo hướng tăng quyền tự chủ cho địa phương, cơ sở giáo dục và giáo viên.</p> <p>- Mục tiêu: Giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.</p> |
| 2 | Nội dung giáo dục | - Có 14 nội dung giáo dục: (1) Giáo dục ngôn | - Có 14 nội dung giáo dục: (1) Giáo dục ngôn ngữ và văn học; 2) Giáo |

| STT | NỘI DUNG | Chương trình 2006 | Chương trình 2018 |
|-----|----------|---|--|
| | | <p>ngữ; 2) Giáo dục toán học; 3) Giáo dục đạo đức; 4) Giáo dục tự nhiên và xã hội; 5) Giáo dục khoa học; 6) Giáo dục nghệ thuật; 7) Giáo dục kỹ thuật; 8) Giáo dục thể chất; 9) Giáo dục Tin học; 10) Giáo dục quốc phòng và an ninh; 11) Giáo dục tập thể; 12) Giáo dục ngoài giờ lên lớp; 13) Giáo dục hướng nghiệp; 14) Giáo dục nghề phổ thông).</p> <p>- Có 23 môn học và hoạt động giáo dục (Tiếng Việt, Ngữ văn; Toán; Đạo đức, Giáo dục công dân; Khoa học, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tự nhiên và Xã hội, Lịch sử và Vật lí, Lịch sử, Vật lí; Âm nhạc, Mĩ thuật; Thủ công, Kỹ thuật, Công nghệ; Thể dục; Ngoại ngữ; Tin học; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Môn học tự chọn (Giáo dục tập thể, Giáo dục ngoài giờ lên lớp, Giáo dục hướng nghiệp, Giáo dục nghề phổ thông).</p> | <p>dục toán học; 3) Giáo dục khoa học xã hội; 4) Giáo dục khoa học tự nhiên; 5) Giáo dục công nghệ; 6) Giáo dục tin học; 7) Giáo dục công dân; 8) Giáo dục quốc phòng và an ninh; 9) Giáo dục nghệ thuật; 10) Giáo dục thể chất; 11) Giáo dục hướng nghiệp; 12) Các chuyên đề học tập; 13) Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và 14) Nội dung giáo dục của địa phương).</p> <p>- Có 24 môn học và hoạt động giáo dục (Tiếng Việt; Ngữ văn; Toán; Đạo đức; Ngoại ngữ 1; Giáo dục công dân; Giáo dục kinh tế và pháp luật; Tự nhiên và Xã hội; Lịch sử và Địa lí; Lịch sử; Địa lí; Khoa học; Khoa học tự nhiên; Vật lí; Hoá học; Sinh học; Tin học và Công nghệ; Công nghệ; Tin học; Giáo dục thể chất; Nghệ thuật; Hoạt động trải nghiệm; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương).</p> <p>- Nội dung giáo dục, môn học mới: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Giáo dục địa phương</p> |

| STT | NỘI DUNG | Chương trình 2006 | Chương trình 2018 |
|-----|--|---|---|
| | <p>Nội dung và Thời lượng giáo dục</p> | <p>- Cấp tiểu học có 11 môn học bắt buộc (<i>Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, Thủ công, Kỹ thuật, Khoa học, Lịch sử và Địa lí</i>); Hoạt động giáo dục bắt buộc (<i>Giáo dục tập thể, Giáo dục ngoài giờ lên lớp</i>) ngoài ra còn có môn học tự chọn (<i>Tin học, Tiếng Anh, Tiếng dân tộc</i>). Thời lượng giáo dục tối thiểu 35 tuần/1 năm học và 23 đến 26 tiết/1 tuần. Thời lượng mỗi tiết học là 35 phút.</p> <p>- Cấp THCS có 13 môn học bắt buộc (<i>Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ 1, Giáo dục công dân, Lịch sử, Địa lí, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật</i>); Hoạt động giáo dục bắt buộc (<i>Hoạt động giáo dục tập thể, ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp</i>); ngoài ra còn có môn học tự chọn (<i>Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2</i>). Thời lượng giáo dục là 35 tuần/1 năm học và 27-29 tiết/1 tuần. Thời</p> | <p>- Cấp tiểu học có 10 môn học bắt buộc (<i>Tiếng Việt, Toán, Ngoại ngữ 1, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Lịch sử và Địa lí, Khoa học, Tin học và Công nghệ (Tin học, Công nghệ), Giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)</i>); 01 Hoạt động giáo dục bắt buộc (<i>Hoạt động trải nghiệm</i>) ngoài ra còn có môn học tự chọn (<i>Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 1</i>) và Nội dung giáo dục địa phương được tích hợp trong các môn học và hoạt động trải nghiệm (do UBND tỉnh chịu trách nhiệm biên soạn, thẩm định). Thời lượng giáo dục 35 tuần/1 năm học và 25 đến 30 tiết/1 tuần. Thời lượng mỗi tiết học là 35 phút.</p> <p>- Cấp THCS có 10 môn học bắt buộc (<i>Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ 1, Giáo dục công dân, Khoa học Tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Công nghệ, Tin học, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật</i>); 01 Hoạt động giáo dục bắt buộc (<i>Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp</i>); Nội dung giáo dục của địa phương; ngoài ra còn có môn học tự chọn (<i>Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2</i>). Thời lượng giáo dục 35 tuần/1 năm học và 29-29,5 tiết/1 tuần. Thời lượng mỗi tiết học là 45 phút.</p> <p>- Cấp THPT có 06 môn học bắt buộc (<i>Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ 1, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Lịch sử</i>), 09 môn học lựa chọn (<i>Địa lí, Giáo dục kinh</i></p> |

| STT | NỘI DUNG | Chương trình 2006 | Chương trình 2018 |
|-----|----------------------------|--|--|
| | | <p>lượng mỗi tiết học là 45 phút.</p> <p>- Cấp THPT có 13 môn học bắt buộc (<i>Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ 1, Lịch sử, Địa lí, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Giáo công dân, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Công nghệ, Tin học, Giáo dục thể chất</i>); Hoạt động giáo dục bắt buộc (<i>Hoạt động giáo dục tập thể, ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp</i>); ngoài ra còn có môn học tự chọn (<i>Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2</i>). Thời lượng giáo dục là 35 tuần/1 năm học và 29,5 tiết/1 tuần. Thời lượng mỗi tiết học là 45 phút.</p> <p>* Tất cả các trường, lớp đều thực hiện kế hoạch giáo dục do Bộ GDĐT ban hành.</p> | <p><i>tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Âm nhạc, Mĩ thuật</i>); 01 Hoạt động giáo dục bắt buộc (<i>Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp</i>); Nội dung giáo dục của địa phương; ngoài ra còn có môn học tự chọn (<i>Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2</i>). Thời lượng giáo dục là 35 tuần/1 năm học và 28,5 tiết/1 tuần. Thời lượng mỗi tiết học là 45 phút.</p> <p>* Địa phương và nhà trường được trao quyền chủ động và trách nhiệm trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của nhà trường.</p> |
| 3 | Phương pháp dạy học (PPDH) | <p>- Định hướng trang bị kiến thức, kĩ năng.</p> <p>- Đổi mới PPDH chuyển từ PPDH truyền thống sang PPDH tích cực nhưng về cơ bản vẫn còn nặng về trang bị kiến thức và</p> | <p>- Học sinh tự lực chiếm lĩnh kiến thức để phát triển năng lực, phẩm chất (qua hoạt động học và vận dụng kiến thức chuyển từ trạng thái học sinh biết gì, hiểu gì, làm gì sang biết được, hiểu được, làm được).</p> <p>- Thực hiện PPDH tích cực: tích cực hóa hoạt động học tập; chú</p> |

| STT | NỘI DUNG | Chương trình 2006 | Chương trình 2018 |
|-----|-----------------------|---|--|
| | | kĩ năng làm bài tập theo yêu cầu thi cử. | trọng tổ chức hoạt động học nhằm hình thành và phát triển năng lực tự học cho học sinh; thực hiện phương châm “Học qua hoạt động”. |
| 4 | Vai trò SGK (SGK) | Nội dung SGK được coi là "nguồn kiến thức", là căn cứ chủ yếu để dạy học, kiểm tra, đánh giá và thi; Chương trình GDPT cấp TH, THCS mỗi môn học chỉ có một bộ SGK duy nhất, Chương trình GDPT cấp THPT ở một số môn học có SGK cơ bản và SGK nâng cao. | Nội dung SGK đóng vai trò là "học liệu", (là hình thức thể hiện (chứa đựng) nội dung kiến thức nên có thể có nhiều SGK (hay nhiều cách tiếp cận) để thể hiện/truyền tải nội dung kiến thức không phải là nguồn kiến thức duy nhất) để tổ chức hoạt động dạy học; dạy học theo nội dung, yêu cầu cần đạt của Chương trình; mỗi môn học có nhiều SGK. Một chương trình, nhiều SGK là giải pháp quan trọng để thay đổi mục tiêu dạy học từ "truyền thụ kiến thức" sang dạy học "phát triển năng lực" và thực hiện hoạt động dạy học theo đối tượng. |
| 5 | Vai trò của giáo viên | - Tổ chức dạy học cơ bản theo phân phối chương trình đã được xác định (đúng theo số tiết/tuần đã được quy định trong chương trình); không phải xây dựng lại phân phối chương trình (cơ bản theo trình tự nội dung đã có trong SGK; việc điều chỉnh nếu có là không nhiều). - Thực hiện đổi mới PPDH nhưng có bản vẫn nhằm trang bị kiến thức, kĩ năng; chưa có | - Chương trình "mở" (chỉ quy định số tiết/năm học) thực hiện phân cấp tối đa trong tổ chức thực hiện, trao quyền chủ động cho giáo viên thực hiện kế hoạch dạy học phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện bảo đảm, từ đó đòi hỏi giáo viên phải tham gia xây dựng phân phối chương trình, cùng nhà trường và tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học môn học. - Có một số môn học mới đòi hỏi giáo viên (có năng lực chuyên môn phù hợp) tham gia dạy học; có một số nội dung giáo dục mới trong môn học đòi hỏi giáo viên phải cập |

| STT | NỘI DUNG | Chương trình 2006 | Chương trình 2018 |
|-----|---------------------------------|--|--|
| | | nhiều yêu cầu vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nhất là thực tiễn tại địa phương. | nhất; có những yêu cầu về vận dụng kiến thức vào thực tiễn tại địa phương đòi hỏi giáo viên phải sáng tạo hơn so với những gì đã viết trong SGK (chung cho toàn quốc). - Về PPDH: Vai trò của giáo viên là phải chuyển mạnh từ vị trí là "người dạy" sang vị trí là người "tổ chức, kiểm tra, định hướng" hoạt động học của học sinh. Thực hiện hiệu quả hơn, triệt để hơn yêu cầu về PPDH "Học qua làm". |
| 6 | Yêu cầu đối với học sinh | - Chủ yếu học theo nội dung, mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng của Chương trình GDPT đã được thể hiện trong SGK. - Mọi học sinh học các môn học/hoạt động giáo dục giống nhau (phân Ban chỉ quy định mức độ nặng/nhẹ của môn học theo Ban). - Yêu cầu tự học, vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn còn nhẹ. | - Ngoài học theo nội dung, yêu cầu của Chương trình GDPT, học sinh được khuyến khích và tạo điều kiện mở rộng kiến thức, tham gia các hoạt động để vận dụng kiến thức vào thực tiễn. - Với cấp THPT, học sinh có quyền lựa chọn môn học theo định hướng nghề nghiệp của bản thân. Chương trình giáo dục chia ra 2 giai đoạn sẽ định hướng và cho phép học sinh lựa chọn nghề nghiệp ngay từ những năm học ở cấp THCS. |
| 7 | Yêu cầu đối với cha mẹ học sinh | Chủ yếu nhà trường, giáo viên có liên hệ/yêu cầu cha mẹ học sinh phối hợp trong các nội dung giáo dục chung về đạo đức, hạnh kiểm; chưa đặt ra nhiều yêu cầu hỗ trợ học sinh về | Chương trình GDPT 2018 đòi hỏi học sinh phải tự học nhiều hơn; có nhiều nhiệm vụ hơn yêu cầu vận dụng kiến thức vào cuộc sống, nhất là cuộc sống hàng ngày tại gia đình và cộng đồng. Vì vậy cha mẹ học sinh được tạo cơ hội và yêu cầu tạo điều kiện, hỗ trợ học sinh trong học |

| STT | NỘI DUNG | Chương trình 2006 | Chương trình 2018 |
|-----|--|--|---|
| | | học kiến thức, kỹ năng theo chương trình các môn học, hoạt động giáo dục. | tập và vận dụng kiến thức bên ngoài khuôn viên nhà trường. |
| 8 | Vai trò chủ động của cơ sở giáo dục (CSGD) | Thực hiện Chương trình GDPT theo nội dung của Chương trình và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GDĐT, của các bộ, ngành cấp trên. | Ngoài việc thực hiện theo Chương trình GDPT và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GDĐT, của các bộ, ngành cấp trên; CSGD có quyền và trách nhiệm chủ động trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học linh hoạt, chủ động, hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh thực tế của từng địa phương, điều kiện thực hiện của mỗi nhà trường. |
| 9 | Điều kiện về cơ sở vật chất (CSVCh) và thiết bị dạy học (TBDH) | <p>Về nội dung khoa học đối với các môn học, Chương trình GDPT 2018 không có thay đổi quá nhiều so với Chương trình GDPT 2006, vì vậy với CSVCh, TBDH hiện tại của các nhà trường nếu đáp ứng được yêu cầu của Chương trình GDPT 2006 thì vẫn sử dụng được trong Chương trình GDPT 2018 (chỉ khác căn bản là phương pháp và cách thức khai thác sử dụng theo yêu cầu mới).</p> <p>Tuy nhiên, để đáp ứng tốt mục tiêu của Chương trình GDPT 2018 thì đòi hỏi phải tiếp tục tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục: phát triển quy mô trường, lớp, đầu tư CSVCh (theo Quyết định 1436), TBDH theo yêu cầu mới, các phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, nhất là yêu cầu dạy học 2 buổi/ngày đối với cấp tiểu học, phòng máy tính, phòng học ngoại ngữ theo yêu cầu thực hiện chương trình mới...</p> <p>Chú trọng phát triển đội ngũ nhà giáo (theo Quyết định 732) đủ về số lượng, cơ cấu, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu mới, nhất là bảo đảm đủ giáo viên để dạy các môn học mới ở Tiểu học (Ngoại ngữ, Tin học); THCS (Khoa học tự nhiên, cách bố trí giáo viên dạy Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Nội dung giáo dục của địa phương...</p> | |

| STT | NỘI DUNG | Chương trình 2006 | Chương trình 2018 |
|-----|----------------------------|---|---|
| | | Kinh phí chi thường xuyên cho các hoạt động giáo dục trong nhà trường cần được tăng cường để bảo đảm điều kiện thực hiện đổi mới hình thức tổ chức dạy học, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của chương trình: kinh phí sửa chữa dụng cụ thí nghiệm, nguyên vật liệu tiêu hao dành cho thí nghiệm theo chương trình và các hoạt động trải nghiệm của học sinh theo yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học... | |
| 10 | Trách nhiệm của địa phương | <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển quy mô, mạng lưới trường lớp đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. - Chuẩn bị các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục (CSVC, TBDH, đội ngũ nhà giáo, kinh phí) và chỉ đạo thực hiện chương trình. | <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển quy mô, mạng lưới trường lớp đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. - Chuẩn bị các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục (CSVC, TBDH, đội ngũ nhà giáo, kinh phí) và chỉ đạo thực hiện Chương trình GDPT 2018. - Lựa chọn SGK; chuẩn bị Tài liệu giáo dục của địa phương; hỗ trợ các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo yêu cầu của Chương trình 2018. |

Chương trình GDPT 2018 đáp ứng tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản toàn diện GDĐT; bảo đảm các mục tiêu, yêu cầu và nội dung đổi mới được quy định tại Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội và Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, SGK GDPT.

Chương trình GDPT 2018 quy định những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của học sinh cần đạt được sau mỗi cấp học, những lĩnh vực và nội dung giáo dục bắt buộc đối với tất cả học sinh trên phạm vi toàn quốc. Nội dung Chương trình GDPT là những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại; tăng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống; phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi học sinh; các phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu giáo dục. Các tỉnh tổ chức biên soạn bổ sung những nội dung về đặc điểm lịch sử, văn hóa và kinh tế - xã hội của địa phương; các

cơ sở GDPT được chủ động vận dụng để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường.

Chương trình quy định việc chuyển từ phương pháp giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang phương pháp giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực; kết hợp hài hòa giữa đức, trí, thể, mỹ với phát huy khả năng của học sinh; kết hợp dạy chữ, dạy người với định hướng nghề nghiệp là phù hợp với yêu cầu, tạo được chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả GDPT⁶.

2. Sách giáo khoa

Nội dung và chất lượng SGK các môn học được biên soạn theo Chương trình GDPT 2018 được Bộ GDĐT phê duyệt sử dụng trong các cơ sở GDPT đáp ứng yêu cầu, phù hợp yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; cơ bản đáp ứng tinh thần đổi mới theo định hướng chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực của mỗi học sinh. Học sinh có thể tự đọc và tự học một phần kiến thức nội dung mới.

Việc lựa chọn SGK được Bộ GDĐT hướng dẫn, điều chỉnh theo quy định của Luật Giáo dục 2019. Các địa phương triển khai, áp dụng thực hiện linh hoạt theo điều kiện của từng địa phương. Các cơ sở giáo dục đã thực hiện đúng quy trình theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, bảo đảm công khai, dân chủ; lựa chọn đội ngũ giáo viên có chuyên môn sâu, trách nhiệm, tâm huyết lựa chọn SGK.

Việc cung ứng, phát hành SGK được các nhà xuất bản thực hiện đa dạng, với nhiều phương thức và kênh phát hành. Các địa phương đã phối hợp chặt chẽ với các nhà xuất bản để cung cấp kịp thời số lượng SGK cho các năm học. Hoạt động phát hành SGK của các nhà xuất bản được thực hiện theo kế hoạch, ngay cả trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19, SGK cơ bản được phát hành đầy đủ trước năm học mới.

Chất lượng SGK về cơ bản đảm bảo yêu cầu của chương trình. Sách viết mỗi bài theo cấu trúc kế hoạch dạy học của bộ môn, nội dung mỗi bài được viết chi tiết, giúp giáo viên dễ soạn bài, giúp người đọc dễ hiểu, các kiến thức được phát hiện một cách tự nhiên gần gũi, lý thuyết giảm bớt tính hàn lâm, giúp học sinh tăng khả năng tự học thông qua đọc SGK. Sách có nhiều hình ảnh minh họa sinh động, thân thiện, tích hợp kiến thức các môn học hướng tới phát triển các năng lực và phẩm chất của học sinh, có nhiều hoạt động trải nghiệm giúp tạo hứng thú học cho học sinh, giúp học sinh cảm nhận được sự gần gũi của môn học với thực tế cuộc sống.

⁶ Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết 88/2014/QH13 và Nghị quyết 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông, giai đoạn 2014-2022

II. Quá trình triển khai và kết quả đạt được

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

Bộ GDĐT đã ban hành Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (Công văn 5512) trong đó có hướng dẫn phân công giáo viên, xây dựng phân phối chương trình, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Mục đích của việc ban hành công văn 5512 là: 1) Hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường bảo đảm yêu cầu thực hiện Chương trình linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở giáo dục (không thực hiện đồng phục số tiết đối với cùng một bài học mà căn cứ vào đối tượng học sinh để xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp); 2) Phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên trong việc thực hiện chương trình; khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện các phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; 3) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường; bảo đảm tính dân chủ, thống nhất giữa các tổ chuyên môn và các tổ chức đoàn thể, phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học như: Công văn 3699/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2021 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2021-2022; Công văn số 4020/BGDĐT-GDTrH ngày 22/8/2022 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2022-2023; Công văn 3899/BGDĐT-GDTrH ngày 03/08/2023 hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024; Công văn 3935/BGDĐT-GDTrH ngày 20/7/2024 hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025, trong đó yêu cầu các Sở GDĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục trung học xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, các cơ sở giáo dục phổ thông đã tích cực, chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất của nhà trường theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT. Tuy nhiên, từ thực tế triển khai cho thấy việc phân công giáo viên và xếp thời khóa biểu để tổ chức dạy học theo chương trình một số môn học, hoạt động giáo dục còn khó khăn, vướng mắc đặc biệt là các môn tích hợp. Bộ đã ban hành Công văn 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 hướng dẫn về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Vật lí, Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp để hướng dẫn các nhà trường tiếp tục xây

dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Trong đó lưu ý các nhà trường thực hiện việc phân công giáo viên, xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm.

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018, các cơ sở giáo dục trên toàn quốc đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng dẫn của Bộ GDĐT⁷ và các cơ quan quản lý giáo dục tại địa phương, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của năm học; trong đó các hoạt động giáo dục được tổ chức thực hiện linh hoạt trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài khuôn viên nhà trường. Việc triển khai thực hiện cơ bản đảm bảo kế hoạch, trong đó đã hoàn thành chương trình giảng dạy đầy đủ các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc theo yêu cầu. Nhiều nhà trường đã phân công giáo viên bảo đảm sự phù hợp giữa chuyên môn được đào tạo của giáo viên với nội dung dạy học hoặc chủ đề giáo dục được phân công. Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy việc phân công và sắp xếp giáo viên, sắp xếp thời khóa biểu để tổ chức dạy học theo chương trình một số môn học, hoạt động giáo dục còn khó khăn, vướng mắc. Cụ thể đối với phân công giáo viên ở các môn học tích hợp như Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Tài liệu giáo dục địa phương, nhiều nhà trường đều phân một giáo viên đảm nhận toàn bộ môn học gây nên những bất cập trong quá trình giảng dạy, giáo viên chưa tự tin đối với những phân môn, những nội dung dạy học không phải là thế mạnh của mình dù đã được bồi dưỡng. Đối với môn học mới như Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, việc phân công giáo viên xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục chỉ tập trung vào giáo viên chủ nhiệm hoặc tổng phụ trách, hiểu chưa đúng về thời gian dành cho hoạt động giáo dục theo chương trình với hoạt động tập thể của nhà trường gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục. Việc phân công giáo viên chưa phù hợp gây ra sự quá tải cho giáo viên khi được phân công đảm nhận các nội dung giáo dục.

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường đã bảo đảm yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018 linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở giáo dục; phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên trong việc thực hiện chương trình; khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện các phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường; bảo đảm tính dân chủ, thống nhất giữa các tổ chuyên môn và các tổ chức đoàn thể, phối hợp

⁷ Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm 2021-2022; Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm 2022-2023; Công văn số 4020/BGDĐT-GDTrH ngày 22/8/2022 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2022-2023

giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Đối với cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông, việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường thực hiện đúng tinh thần của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Hiệu trưởng tổ chức xây dựng và ban hành kế hoạch thời gian thực hiện chương trình của từng môn học bắt buộc, môn học tự chọn, môn học lựa chọn, chuyên đề học tập lựa chọn, hoạt động giáo dục bắt buộc, nội dung giáo dục địa phương bảo đảm tổng số tiết/năm học quy định trong chương trình. Chương trình mỗi môn học ở mỗi khối lớp được bố trí phù hợp trong cả năm học. Các nhà trường chủ động bố trí thời gian thực hiện chương trình bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh, không bắt buộc phải dạy môn học ở tất cả các tuần, không bắt buộc phải chia đều số tiết/tuần để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường.

Đối với các môn học lựa chọn ở cấp trung học phổ thông, nhà trường xây dựng một số tổ hợp gồm 4 môn học trong số 9 môn học lựa chọn quy định tại Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT. Đối với các chuyên đề học tập tự chọn, nhà trường xây dựng một số tổ hợp 3 cụm chuyên đề của 3 môn học trong chương trình phù hợp với khả năng tổ chức của nhà trường. Căn cứ các tổ hợp môn học lựa chọn và chuyên đề học tập lựa chọn được xây dựng, nhà trường xây dựng phương án tổ chức cho học sinh đăng kí lựa chọn và tổ chức thực hiện một cách phù hợp, bảo đảm vừa đáp ứng nhu cầu của học sinh vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường.

Tuy nhiên, tại một số nhà trường chưa thực sự tạo được sự đồng thuận, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau của GV, nhất là các GV cùng dạy môn KHTN để phân công GV, xây dựng KHGD và xếp thời khóa biểu để bảo đảm thực hiện theo chương trình, tạo thuận lợi cho học sinh. Vì vậy đã chia theo 3 mạch độc lập để tổ chức dạy học tuy thuận lợi cho giáo viên nhưng lại gây khó khăn học tập cho học sinh. Việc phân công giáo viên dạy HĐTNHN chủ yếu phân cho giáo viên chủ nhiệm gây quá tải cho giáo viên khi thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân.

Nhiều nhà trường chưa hiểu rõ về chương trình hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp nên đã chia cứ nhắc 3 tiết/tuần để tổ chức thực hiện tương ứng với 3 loại hình: sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ và giáo dục theo chủ đề. Việc tổ chức các tiết hoạt động trải nghiệm theo hình thức sinh hoạt lớp và sinh hoạt dưới cờ cứng nhắc, không thực hiện đúng YCCĐ của chương trình gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện, quá tải đối với giáo viên.

2. Về đổi mới phương pháp giáo dục

Việc đổi mới phương pháp giáo dục thời gian qua được Bộ GDĐT tập trung chỉ đạo triển khai, áp dụng những mô hình giáo dục và phương pháp giáo dục mới vào thực tiễn. Việc đổi mới phương pháp giáo dục được định hướng trong Chương trình

tổng thể; cụ thể hóa trong các chương trình môn học và được thể hiện ở từng nội dung giáo dục. Nhiều địa phương đã quan tâm phát triển, nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, trong đó có nội dung về đổi mới phương pháp giáo dục⁸. Các cơ sở giáo dục căn cứ vào điều kiện thực tế của đơn vị, địa phương để cụ thể hóa nội dung đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng đa dạng hóa các hoạt động học tập, phù hợp với năng lực của học sinh⁹; sử dụng các phương tiện dạy học, khai thác hệ thống học liệu đã có để xây dựng bài giảng điện tử, ứng dụng trên nền tảng công nghệ¹⁰, khai thác tư liệu trực tuyến vào các hoạt động dạy và học... Giáo viên đã chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh, thiết kế các hoạt động ở trong và ngoài lớp học; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; áp dụng phương pháp dạy học phù hợp với từng nội dung, đối tượng và điều kiện cụ thể, kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực hành. Học sinh được khuyến khích tự học, tự nghiên cứu tìm tòi, chiếm lĩnh kiến thức, vận dụng kiến thức mới; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng. Vai trò của người giáo viên chuyển từ vị trí là “người dạy” sang vị trí là người “tổ chức, kiểm tra, định hướng” hoạt động học của học sinh.

Tuy nhiên, việc đổi mới PPDH cũng còn một số hạn chế, khó khăn như thiếu cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; có lớp đông HS nên tổ chức dạy học theo nhóm khó khăn; đôi khi HS hoạt động nhiều quá khiến hiệu quả dạy học chưa cao; không ít GV vẫn còn thói quen dạy học theo các PPDH truyền thống, thiếu kỹ năng tổ chức thực hiện dạy học phát triển năng lực, chưa được tập huấn đầy đủ, không biết cách tổ chức tổ chức sao cho phù hợp và hiệu quả. Việc xác định mục tiêu bài học, mục tiêu của từng hoạt động học chưa tốt dẫn đến kế hoạch bài dạy còn dài, chưa đúng với chủ trương đổi mới theo tinh thần tại Công văn 5512. Hoạt động học sinh được yêu cầu làm nhiều nhất là nghe thầy cô giảng bài và nó diễn ra trong mọi tiết học. Điều này cho thấy là học sinh vẫn chưa có được sự chủ động trong việc học, các em vẫn thụ động tiếp thu kiến thức từ thầy cô bằng cách nghe giảng và chưa được tự mình tìm hiểu thực hiện hay trình bày.

3. Về đổi mới kiểm tra, đánh giá

Bộ GD&ĐT đã tập trung chỉ đạo, triển khai một số đề tài nghiên cứu; sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm về đánh giá chất lượng giáo dục, ban hành hệ thống

⁸ UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 phê duyệt đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020.

⁹ Như sân khấu khóa, địa ảnh hóa tác phẩm văn học, tổ chức câu lạc bộ STEM để tạo hứng thú học tập cho học sinh... .

¹⁰ Nhiều phần mềm dạy học để học sinh tương tác, làm bài tập, kiểm tra đánh giá như: zoom, google meet, Quizizz, Microsoft team, phần mềm Azota, Google Form, liveworksheet, Kahoot, Chơi trò chơi classdojo,...

quy chế, công văn hướng dẫn, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các nhà trường, giáo viên trong thực hiện đổi mới đánh giá học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; xây dựng một số tài liệu hướng dẫn phương pháp, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên phổ thông. Việc đánh giá học sinh chuyển từ tập trung vào kết quả và xếp loại học sinh sang xem xét quá trình học tập, đánh giá sự tiến bộ, khả năng và phẩm chất của học sinh một cách toàn diện. Hình thức đánh giá đa dạng hơn; kết hợp giữa đánh giá quá trình, đánh giá tổng kết, có sự tham gia đánh giá từ nhiều bên (tự đánh giá, bạn đánh giá, giáo viên đánh giá, phụ huynh và xã hội đánh giá).

Đa số các nhà trường, tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Thực hiện tốt việc kiểm tra phân loại đối tượng học sinh theo năng lực nhận thức để tổ chức dạy học sát đối tượng. Các cơ sở giáo dục đã xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra, đánh giá phù hợp để phục vụ cho công tác kiểm tra, đánh giá tại nhà trường. Đối với các môn học, hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét được thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục.

Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện thường xuyên trong quá trình tổ chức các hoạt động học, được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức: hỏi - đáp, viết, thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, giáo viên đã thông báo trước cho học sinh về các tiêu chí đánh giá; chú trọng đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của học sinh theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập đã được nêu cụ thể trong Kế hoạch bài dạy. Hình thức đánh giá được tiến hành theo nhiều cách: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu KHKT, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

PHẦN II: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG THEO CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

I. Những vấn đề chung về xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

1.1 Mục tiêu của việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường

- Đảm bảo việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 (ban hành tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT). Theo quy định tại Luật Giáo dục 2019, Chương trình giáo dục phổ thông được thực hiện thống nhất trên toàn quốc, nhưng được tổ chức thực hiện linh hoạt, phù hợp với điều kiện của địa phương và cơ sở giáo dục. Vai trò của các nhà trường trong việc tự chủ xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục là hết sức quan trọng.

- Phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên trong việc thực hiện chương trình. Đồng thời, khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, đảm bảo việc thực hiện tốt phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động dạy học và giáo dục, đảm bảo dân chủ và thống nhất trong nhà trường. Đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, thực hiện cả trong và ngoài nhà trường, theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, phụ huynh học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục.

1.2. Xây dựng Kế hoạch thời gian thực hiện chương trình

Căn cứ vào kế hoạch thời gian năm học do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định và hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học hằng năm của Sở GDĐT, hiệu trưởng sẽ chủ trì tổ chức xây dựng và thống nhất kế hoạch thời gian thực hiện chương trình của các môn học. Khi xây dựng kế hoạch thời gian, cần chú ý:

- Đảm bảo số tiết trên một năm theo quy định của từng môn học bắt buộc, môn học lựa chọn, chuyên đề học tập lựa chọn, hoạt động giáo dục bắt buộc, nội dung giáo dục địa phương (sau đây gọi chung là môn học).

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 chỉ quy định tổng số tiết trong một năm. Khi xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường không cần chia đều số tiết theo tuần, không nhất thiết dạy một môn học ở tất cả các tuần trong năm. Các nhà trường chủ động bố trí thời gian thực hiện chương trình bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh.

II. Lưu ý đối với một số môn học/hoạt động giáo dục

1. Môn Khoa học tự nhiên¹¹

a) Chương trình môn Khoa học tự nhiên bao gồm các chủ đề: Chất và sự biến đổi của chất, Vật sống, Năng lượng và sự biến đổi, Trái Đất và bầu trời. Các chủ đề được sắp xếp chủ yếu theo logic tuyến tính, có kết hợp ở mức độ nhất định với cấu trúc đồng tâm, đồng thời có một số chủ đề liên môn, tích hợp nhằm hình thành các nguyên lí, quy luật chung của thế giới tự nhiên. Căn cứ tình hình đội ngũ giáo viên của nhà trường, hiệu trưởng phân công giáo viên dạy học các chủ đề phù hợp với năng lực chuyên môn của giáo viên. Nhà trường cần chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để giáo viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn đảm nhận việc dạy học các chủ đề hoặc toàn bộ chương trình môn học.

b) Kế hoạch dạy học môn học được xây dựng phù hợp với logic sắp xếp các chủ đề của chương trình môn học và điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường.

c) Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong mỗi học kì được thực hiện trong quá trình dạy học môn học theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng gồm nội dung của các chủ đề đã thực hiện theo kế hoạch dạy học, bảo đảm tỉ lệ phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

2. Môn Lịch sử và Địa lí¹²

a) Chương trình môn Lịch sử và Địa lí bao gồm phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, mỗi phân môn được thiết kế theo mạch nội dung riêng, trong đó nhiều nội dung dạy học liên quan được bố trí gần nhau để hỗ trợ nhau; nội dung Lịch sử tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Địa lí và nội dung Địa lí tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Lịch sử. Căn cứ tình hình đội ngũ giáo viên của nhà trường, hiệu trưởng phân công giáo viên dạy học các nội dung của chương trình phù hợp với năng lực chuyên môn của giáo viên. Nhà trường, Phòng GDĐT, Sở GDĐT cần chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để giáo viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn đảm nhận việc dạy học toàn bộ chương trình môn học.

b) Kế hoạch dạy học môn học được xây dựng theo từng phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, mỗi phân môn được bố trí dạy học đồng thời trong từng học kì. Đối

¹¹ Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 Triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022, Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 Triển khai thực hiện chương trình

¹² Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 Triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022, Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 Triển khai thực hiện chương trình

với các chủ đề chung ở lớp 7, hiệu trưởng phân công giáo viên có năng lực chuyên môn phù hợp để dạy học chủ đề chung.

c) Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học theo từng phân môn. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng bao gồm nội dung phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí theo tỉ lệ phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học của mỗi phân môn và chủ đề chung đến thời điểm kiểm tra, đánh giá. Giáo viên được phân công dạy học chủ đề chung, chịu trách nhiệm việc kiểm tra, đánh giá chủ đề chung (gồm đánh giá thường xuyên và định kì).

3. Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp¹³

a) Chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp bao gồm các nội dung hoạt động được tổ chức trong và ngoài nhà trường với các hình thức hoạt động Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề và Hoạt động câu lạc bộ. Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường, hiệu trưởng phân công cán bộ quản lí, giáo viên đảm nhận việc tổ chức thực hiện các hoạt động phù hợp với năng lực của cán bộ quản lí, giáo viên.

b) Phân công giáo viên: Phân công giáo viên bảo đảm sự phù hợp giữa năng lực và chuyên môn của giáo viên với nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được đảm nhiệm¹⁴; ưu tiên phân công giáo viên phụ trách theo từng chủ đề để thuận lợi trong việc xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, hướng dẫn và đánh giá học sinh trong quá trình trải nghiệm theo yêu cầu cần đạt của chủ đề đó.

c) Xây dựng kế hoạch giáo dục: Kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được xây dựng theo từng chủ đề; giáo viên được phân công đảm nhận chủ đề tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức hoạt động, tổ chức cho học sinh luyện tập, thực hành trải nghiệm theo yêu cầu của chương trình và tổ chức cho học sinh báo cáo, thảo luận, đánh giá về kết quả thực hiện). Việc xây dựng thời khóa biểu bảo đảm sự linh hoạt (không bắt buộc phải chia đều số tiết/tuần, không bắt buộc thực hiện lần lượt các chủ đề theo trình tự trong sách giáo khoa) sao cho mỗi chủ đề được tổ chức thực hiện trong một khoảng thời gian phù hợp với kế hoạch của giáo viên trong thời gian đó.

d) Tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá:

Giáo viên tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung, phương pháp và hình thức trải nghiệm trước khi thực hiện hoạt động trải nghiệm theo yêu cầu cần đạt của chủ

¹³ Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

¹⁴ Ví dụ, đối với các chủ đề hoạt động hướng tới tự nhiên, giáo viên địa lí sẽ có ưu thế trong việc tổ chức cho học sinh tìm hiểu, huy động các kiến thức và kĩ năng về bảo vệ môi trường, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; đối với chủ đề hướng nghiệp, giáo viên công nghệ sẽ có ưu thế trong việc tổ chức cho học sinh tìm hiểu kiến thức về trang thiết bị, dụng cụ lao động và các kĩ năng an toàn trong sử dụng công cụ lao động.

đề. Đối với việc thực hiện hoạt động trải nghiệm, giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành, rèn luyện và vận dụng theo nội dung, phương pháp, hình thức hoạt động đã được hướng dẫn với yêu cầu cụ thể về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành. Quá trình trải nghiệm có thể là hoạt động của cá nhân, nhóm nhỏ hoặc nhóm lớn, ở các không gian khác nhau trong và ngoài lớp học, trong và ngoài nhà trường tùy theo nội dung và tính chất của hoạt động. Trong quá trình học sinh thực hành trải nghiệm, giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra quá trình thực hiện của học sinh.

Đối với đánh giá thường xuyên, giáo viên được phân công phụ trách chủ đề nào thực hiện đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó. Hiệu trưởng phân công giáo viên chủ trì phụ trách Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở mỗi lớp để phối hợp với các giáo viên được phân công tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở lớp đó thống nhất kết quả đánh giá thường xuyên, tổng hợp kết quả, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh và học bạ. Nội dung đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với nội dung và thời lượng thực hiện chương trình đến thời điểm đánh giá. Các giáo viên được phân công thống nhất về nội dung và yêu cầu đánh giá định kì, trong đó xác định cụ thể các tiêu chí đánh giá để đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình; chú trọng đánh giá thông qua sản phẩm hoạt động trải nghiệm của học sinh.

4. Nội dung giáo dục địa phương¹⁵

a) Nội dung giáo dục của địa phương bao gồm những vấn đề cơ bản về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương. Căn cứ vào nội dung giáo dục của địa phương, hiệu trưởng phân công giáo viên dạy học các chủ đề phù hợp với năng lực của giáo viên.

b) Kế hoạch dạy học Nội dung giáo dục của địa phương được xây dựng theo từng chủ đề phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường và kế hoạch dạy học các môn học có liên quan, tạo thuận lợi cho học sinh liên hệ, vận dụng những nội dung kiến thức đã học trong các môn học với thực tiễn tại địa phương.

c) Giáo viên dạy học chủ đề nào thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các chủ đề đã dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

¹⁵ Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 Triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022, Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 Triển khai thực hiện chương trình

III. QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Quản lý thực hiện kế hoạch bài dạy

Quản lý thực hiện kế hoạch bài dạy theo logic của tài liệu là một quá trình quan trọng nhằm đảm bảo hiệu quả triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Trước hết, quá trình này cần dựa trên cơ sở pháp lý và định hướng cụ thể, bao gồm Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điều này giúp đảm bảo rằng kế hoạch bài dạy không chỉ linh hoạt mà còn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, cơ sở giáo dục, đồng thời bám sát các yêu cầu cần đạt của chương trình.

Kế hoạch bài dạy được xây dựng trên nền tảng kế hoạch giáo dục của nhà trường và tổ chuyên môn. Để làm được điều này, cần phân tích kỹ các yếu tố thực tế như cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và đặc điểm học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên phải xác định rõ mục tiêu của từng hoạt động học tập, đảm bảo các nội dung giảng dạy được trình bày logic và dễ tiếp cận. Việc này không chỉ giúp học sinh dễ dàng nắm bắt kiến thức mà còn phát triển kỹ năng vận dụng vào thực tiễn.

Giáo viên đóng vai trò trung tâm trong việc thực hiện kế hoạch bài dạy. Thay vì chỉ truyền đạt kiến thức, giáo viên cần trở thành người tổ chức và định hướng các hoạt động học tập. Họ phải thiết kế các bài giảng phù hợp, khuyến khích học sinh tự học, tìm tòi và nghiên cứu. Điều này đòi hỏi giáo viên không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng linh hoạt các kỹ thuật hiện đại để tạo môi trường học tập tích cực.

Quá trình thực hiện kế hoạch bài dạy cũng cần được tích hợp chặt chẽ với các phương pháp kiểm tra, đánh giá. Các hình thức kiểm tra phải đa dạng, kết hợp đánh giá quá trình và kết quả, đồng thời tập trung vào việc phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. Điều này không chỉ giúp đo lường chính xác sự tiến bộ mà còn tạo động lực học tập tích cực cho học sinh.

Công tác quản lý đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát và hỗ trợ giáo viên thực hiện kế hoạch. Nhà trường cần đảm bảo sự đồng bộ trong phân bổ thời gian và nội dung giảng dạy, đặc biệt chú trọng các môn học tích hợp và hoạt động trải nghiệm. Sự phối hợp giữa các tổ chuyên môn, giáo viên và phụ huynh cũng là yếu tố quan trọng để đảm bảo hiệu quả triển khai.

Cuối cùng, việc kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện và điều chỉnh kế hoạch bài dạy cần được thực hiện thường xuyên. Các phản hồi từ giáo viên, học sinh và kết quả thực tế phải được xem xét để kịp thời điều chỉnh, giúp kế hoạch bài dạy ngày

càng phù hợp và hiệu quả hơn. Những yếu tố này sẽ đảm bảo chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được triển khai đúng tinh thần đổi mới, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

2. Chỉ đạo đánh giá bài dạy

Đánh giá bài dạy sẽ giúp phát huy được tính chủ động, tính sáng tạo của tổ chuyên môn và các giáo viên trong việc thực hiện các chương trình; đánh giá theo các yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

2.1. Tiêu chí đánh giá

Việc quản lí, chỉ đạo đánh giá bài dạy có thể được căn cứ vào các tiêu chí cụ thể như sau (*Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH*):

| Nội dung | Tiêu chí |
|---------------------------------|--|
| 1. Kế hoạch và tài liệu | Mức độ phù hợp của chuỗi <i>hoạt động học</i> với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng. |
| | Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi <i>nhiệm vụ học tập</i> . |
| | Mức độ phù hợp của <i>thiết bị dạy học và học liệu</i> được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh. |
| | Mức độ hợp lí của phương án <i>kiểm tra, đánh giá</i> trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh. |
| 2. Tổ chức hoạt động học cho HS | Mức độ sinh động, hấp dẫn học sinh của phương pháp và hình thức chuyển <i>giao nhiệm vụ học tập</i> . |
| | Khả năng <i>theo dõi, quan sát, phát hiện</i> kịp thời những khó khăn của học sinh. |
| | Mức độ phù hợp, hiệu quả của các <i>biện pháp hỗ trợ</i> và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |
| | Mức độ hiệu quả hoạt động của giáo viên trong việc <i>tổng hợp, phân tích, đánh giá</i> kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của học sinh. |

| | |
|----------------------------|--|
| 3. Hoạt động của HS | Khả năng <i>tiếp nhận và sẵn sàng</i> thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả học sinh trong lớp. |
| | Mức độ <i>tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác</i> của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập. |
| | Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong <i>trình bày, trao đổi, thảo luận</i> về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. |
| | Mức độ <i>đúng đắn, chính xác, phù hợp</i> của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. |

2.2. Hướng dẫn đánh giá theo tiêu chí.

* **Đánh giá kế hoạch bài dạy**

(1) Các hoạt động học được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy

Mức 1: Tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu nhằm huy động kiến thức/kỹ năng đã có của học sinh để chuẩn bị học kiến thức/kỹ năng mới nhưng chưa tạo được mâu thuẫn nhận thức để đặt ra vấn đề/câu hỏi chính của bài học. Kiến thức mới được trình bày rõ ràng, tường minh bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng; có câu hỏi/lệnh cụ thể cho học sinh hoạt động để tiếp thu kiến thức mới. Có câu hỏi/bài tập vận dụng trực tiếp những kiến thức mới học nhưng chưa nêu rõ lí do, mục đích của mỗi câu hỏi/bài tập. Có yêu cầu học sinh liên hệ thực tế/bổ sung thông tin liên quan nhưng chưa mô tả rõ sản phẩm vận dụng mà học sinh phải thực hiện.

Mức 2: Tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu chỉ có thể được giải quyết một phần hoặc phỏng đoán được kết quả nhưng chưa lí giải được đầy đủ bằng kiến thức/kỹ năng đã có của học sinh; tạo được mâu thuẫn nhận thức. Kiến thức mới được thể hiện trong kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng; có câu hỏi/lệnh cụ thể cho học sinh hoạt động để tiếp thu kiến thức mới và giải quyết được đầy đủ tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu. Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn thành hệ thống; mỗi câu hỏi/bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/kỹ năng cụ thể. Nêu rõ yêu cầu và mô tả rõ sản phẩm vận dụng mà học sinh phải thực hiện.

Mức 3: Tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu gắn gũi với kinh nghiệm sống của học sinh và chỉ có thể được giải quyết một phần hoặc phỏng đoán được kết quả nhưng chưa lí giải được đầy đủ bằng kiến thức/kỹ năng đã có; đặt ra được vấn đề/câu hỏi chính của bài học. Kiến thức mới được thể hiện bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng gắn với vấn đề cần giải quyết; tiếp nối với vấn đề/câu hỏi chính của bài học để học sinh tiếp thu và giải quyết được vấn đề/câu hỏi chính của bài học. Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn thành hệ thống, gắn với tình huống thực tiễn; mỗi câu

hỏi/bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/kĩ năng cụ thể. Hướng dẫn để học sinh tự xác định vấn đề, nội dung, hình thức thể hiện của sản phẩm vận dụng.

(2) Mục tiêu, nội dung, sản phẩm, cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy

Mức 1: Mục tiêu của mỗi hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động đó được mô tả rõ ràng nhưng chưa nêu rõ phương thức hoạt động của học sinh/nhóm học sinh nhằm hoàn thành sản phẩm học tập.

Mức 2: Mục tiêu và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động được mô tả rõ ràng; phương thức tổ chức hoạt động cho học sinh được trình bày cụ thể, thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập cần hoàn thành.

Mức 3: Mục tiêu, cách thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động được mô tả rõ ràng; cách thức tổ chức hoạt động học cho học sinh thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập và đối tượng học sinh.

(3) Thiết bị dạy học và học liệu được lựa chọn để sử dụng trong Kế hoạch bài dạy

Mức 1: Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành nhưng chưa mô tả rõ cách thức mà học sinh hoạt động với thiết bị dạy học và học liệu đó.

Mức 2: Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành; cách thức mà học sinh hành động (đọc/viết/nghe/nhìn/thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng.

Mức 3: Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành; cách thức mà học sinh hoạt động (đọc/viết/nghe/nhìn/thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng, phù hợp với kĩ thuật dạy học tích cực được sử dụng.

(4) Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy

Mức 1: Phương án kiểm tra, đánh giá sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học được mô tả nhưng chưa rõ phương án kiểm tra trong quá trình hoạt động học của học sinh.

Mức 2: Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trong các hoạt động học.

Mức 3: Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trung gian và sản phẩm học tập cuối cùng của các hoạt động học.

*** Đánh giá hoạt động của giáo viên**

(1) Phương pháp và hình thức chuyển giao nhiệm vụ học tập cho học sinh

Mức 1: Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập phải hoàn thành, đảm bảo cho phần lớn học sinh nhận thức đúng nhiệm vụ phải thực hiện.

Mức 2: Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập, phương thức hoạt động gắn với thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng; đảm bảo cho hầu hết học sinh nhận thức đúng nhiệm vụ và hăng hái thực hiện.

Mức 3: Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập, phương thức hoạt động gắn với thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng; đảm bảo cho 100% học sinh nhận thức đúng nhiệm vụ và hăng hái thực hiện.

(2) Khả năng theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh

Mức 1: Theo dõi, bao quát được quá trình hoạt động của học sinh/nhóm học sinh; phát hiện được những học sinh/nhóm học sinh có yêu cầu được giúp đỡ hoặc có biểu hiện đang gặp khó khăn.

Mức 2: Quan sát được cụ thể quá trình hoạt động trong từng học sinh/nhóm học sinh; phát hiện được khó khăn cụ thể mà học sinh/nhóm học sinh gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Mức 3: Quan sát được một cách chi tiết quá trình thực hiện nhiệm vụ đến từng học sinh/nhóm học sinh; chủ động phát hiện được khó khăn cụ thể và nguyên nhân mà từng học sinh/nhóm học sinh đang gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

(3) Các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập

Mức 1: Đưa ra được những gợi ý, hướng dẫn cụ thể cho học sinh/nhóm học sinh vượt qua khó khăn và hoàn thành được nhiệm vụ học tập được giao.

Mức 2: Chỉ ra cho học sinh/nhóm học sinh những sai lầm có thể đã mắc phải dẫn đến khó khăn; đưa ra được những định hướng khái quát để học sinh/nhóm học sinh tiếp tục hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

Mức 3: Chỉ ra cho học sinh/nhóm học sinh những sai lầm có thể đã mắc phải dẫn đến khó khăn; đưa ra được những định hướng khái quát; khuyến khích được học sinh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

(4) Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của học sinh

Mức 1: Có câu hỏi định hướng để học sinh/nhóm học sinh tích cực tham gia nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện sản phẩm học tập lẫn nhau trong nhóm hoặc toàn lớp; nhận xét, đánh giá về sản phẩm học tập được đồng đạo học sinh tiếp thu, ghi nhận.

Mức 2: Lựa chọn được một số sản phẩm học tập của học sinh/nhóm học sinh để tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo, nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện lẫn nhau; câu hỏi định hướng của giáo viên giúp hầu hết học sinh tích cực tham gia thảo luận; nhận xét, đánh giá về sản phẩm học tập được đồng đạo học sinh tiếp thu, ghi nhận.

Mức 3: Lựa chọn được một số sản phẩm học tập điển hình của học sinh/nhóm học sinh để tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện lẫn nhau; câu hỏi định hướng của giáo viên giúp hầu hết học sinh tích cực tham gia thảo luận, tự đánh giá và hoàn thiện được sản phẩm học tập của mình và của bạn.

*** Đánh giá qua hoạt động của học sinh**

(1) Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh

Mức 1: Phần lớn học sinh tiếp nhận đúng nhiệm vụ và sẵn sàng bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ được giao, tuy nhiên vẫn còn một số học sinh bộc lộ chưa hiểu rõ nhiệm vụ học tập được giao.

Mức 2: Hầu hết học sinh tiếp nhận đúng và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ, tuy nhiên còn một vài học sinh bộc lộ thái độ chưa tự tin trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

Mức 3: Tất cả học sinh tiếp nhận đúng và hăng hái, tự tin trong việc thực hiện nhiệm vụ

(2) Mức độ tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập

Mức 1: Nhiều học sinh tỏ ra tích cực, chủ động hợp tác với nhau để thực hiện các nhiệm vụ học tập; tuy nhiên, một số học sinh có biểu hiện dựa dẫm, chờ đợi.

Mức 2: Hầu hết học sinh tỏ ra tích cực, chủ động, hợp tác với nhau để thực hiện các nhiệm vụ học tập; còn một vài học sinh lúng túng hoặc chưa thực sự tham gia vào hoạt động nhóm.

Mức 3: Tất cả học sinh tích cực, chủ động, hợp tác với nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập; nhiều học sinh/nhóm học sinh có sáng tạo trong cách thức thực hiện nhiệm vụ.

(3). Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong trình bày, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

Mức 1: Nhiều học sinh hăng hái, tự tin trình bày, trao đổi ý kiến/quan điểm của cá nhân; tuy nhiên, nhiều học sinh/nhóm học sinh thảo luận chưa sôi nổi; vai trò của nhóm trưởng (đối với hoạt động nhóm) chưa thật nổi bật; vẫn còn một số học sinh không trình bày được quan điểm của mình hoặc tỏ ra không hợp tác trong quá trình làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.

Mức 2: Hầu hết học sinh hăng hái, tự tin trình bày, trao đổi ý kiến/quan điểm của cá nhân; đa số học sinh/nhóm học sinh thảo luận sôi nổi, tự tin; đa số nhóm trưởng (đối với hoạt động nhóm) đã biết cách điều hành thảo luận nhóm; nhưng vẫn còn một vài học sinh không tích cực trong quá trình làm việc cá nhân/nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.

Mức 3: Tất cả học sinh tích cực, hăng hái, tự tin trong việc trình bày, trao đổi ý kiến, quan điểm của cá nhân; các học sinh/nhóm học sinh thảo luận sôi nổi, tự tin; các nhóm trưởng (đối với hoạt động nhóm) đều tỏ ra biết cách điều hành và khái quát nội dung trao đổi, thảo luận của nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.

(4) Mức độ đúng đắn, chính xác, phù hợp của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh

Mức 1: Nhiều học sinh trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của giáo viên về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; tuy nhiên, vẫn còn một số học sinh chưa hoàn thành hoặc không hoàn thành hết nhiệm vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ còn chưa chính xác, phù hợp với yêu cầu.

Mức 2: Đa số học sinh trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của giáo viên về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; song vẫn còn một vài học sinh trình bày/điễn đạt kết quả chưa rõ ràng do chưa nắm vững yêu cầu.

Mức 3: Tất cả học sinh đều trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của giáo viên về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; nhiều câu trả lời/đáp án mà học sinh đưa ra thể hiện sự sáng tạo trong suy nghĩ và cách thể hiện.

3. Hướng dẫn đổi mới kiểm tra đánh giá

3.1 Đối với các môn học

Đổi mới KTĐG là yêu cầu cấp thiết trong đổi mới giáo dục. KTĐG không chỉ để đo lường kiến thức mà còn nhằm đánh giá năng lực, phẩm chất người học. Các hình thức KTĐG mới cần được áp dụng rộng rãi bao gồm:

– Đánh giá theo năng lực: Tập trung vào việc đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh vào thực tiễn, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

– Đánh giá qua dự án: Giao nhiệm vụ cho học sinh thực hiện một dự án cụ thể, thông qua đó đánh giá năng lực làm việc nhóm, khả năng tìm kiếm thông tin, khả năng sáng tạo, kỹ năng thuyết trình.

- Đánh giá qua sản phẩm: Yêu cầu học sinh tạo ra một sản phẩm cụ thể như bài viết, tranh vẽ, mô hình, video,... và đánh giá quá trình thực hiện cũng như chất lượng sản phẩm.

- Đánh giá danh mục thành tích: Học sinh tự thu thập và lưu trữ các bài tập, sản phẩm tiêu biểu của mình trong suốt quá trình học tập, giáo viên sẽ dựa trên danh mục này để đánh giá sự tiến bộ của học sinh.

- Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng: Rèn luyện cho học sinh kỹ năng phản biện, khả năng nhận xét, đánh giá bản thân và bạn bè một cách khách quan, công bằng.

3.2 Đối với đánh giá hoạt động giáo dục

Căn cứ quy định, Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT về đánh giá học sinh THCS, THPT thực hiện đánh giá bằng nhận xét đối với nội dung giáo dục của địa phương và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

Đối với đánh giá thường xuyên, giáo viên được phân công phụ trách chủ đề nào thực hiện đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó. Hiệu trưởng phân công giáo viên chủ trì phụ trách Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở mỗi lớp để phối hợp với các giáo viên được phân công tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở lớp đó thống nhất kết quả đánh giá thường xuyên, tổng hợp kết quả, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh và học bạ.

Nội dung đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với nội dung và thời lượng thực hiện chương trình đến thời điểm đánh giá. Các giáo viên được phân công thống nhất về nội dung và yêu cầu đánh giá định kì, trong đó xác định cụ thể các tiêu chí đánh giá để đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình; chú trọng đánh giá thông qua sản phẩm hoạt động trải nghiệm của học sinh.

4. Quản lý, chỉ đạo tổ chức sinh hoạt tổ/ nhóm chuyên môn.

Để thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, vai trò của hiệu trưởng rất quan trọng, đó là:

- Hiệu trưởng phải là người có hiểu biết đúng đắn, rõ ràng về mục đích, nguyên tắc, quy trình sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Hiệu trưởng phải coi SHCM là trụ cột, là chính sách quan trọng nhất để đổi mới nhà trường, nâng cao chất

lượng việc học của học sinh. Phải làm sao để mọi giáo viên trong trường đều hiểu rõ, tin tưởng ý nghĩa, tầm quan trọng của SHCM, cùng nhau nhất trí quyết tâm thực hiện.

- Hiệu trưởng là người chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Việc xây dựng kế hoạch này có sự tham gia của các tổ bộ môn trong nhà trường để định hướng thực hiện phù hợp.

- Hiệu trưởng là người tổ chức thực hiện kế hoạch tổ chức thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Trong quá trình thực hiện, Hiệu trưởng cần xây dựng văn hoá nhận xét, phản hồi tích cực, tạo động lực cho tất cả GV trong nhà trường khi thực hiện sinh đề hay khi phản hồi, góp ý cho đồng nghiệp.

- Hiệu trưởng là người chỉ đạo việc kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Việc kiểm tra này giúp hiệu trưởng điều chỉnh các hoạt động ở nhà trường cho phù hợp. Cán bộ quản lí, giáo viên nhà trường đều phải cùng tham gia và phải thực hiện đúng kỹ thuật sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Tất cả những ý tưởng sáng tạo, những hiểu biết mới về phương pháp giáo dục lấy học sinh làm trung tâm đều được vận dụng, trải nghiệm trong sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Sinh hoạt chuyên môn mới phải kiên trì thực hiện, thường xuyên, liên tục.

Để hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học Bộ GDĐT đã ban hành Công văn số 5555/BGDĐT- GDTrH ngày 08/10/2014. Công văn này hướng dẫn đánh giá và phân tích các bài học trong quá trình giảng dạy. Trong đó, việc quản lý, chỉ đạo tổ chức sinh hoạt tổ/ nhóm chuyên môn, dự giờ thăm lớp thực hiện theo **Quy trình phân tích hoạt động học của học sinh**, được thực hiện qua 4 bước:

Bước 1: Mô tả hành động của học sinh

- Ghi lại chi tiết các hành động, lời nói, sản phẩm của học sinh trong quá trình học tập.

- Đảm bảo mô tả khách quan, không kèm theo nhận xét chủ quan.

- Tập trung vào việc ghi nhận cả những thành công và hạn chế của từng học sinh hoặc nhóm học sinh.

Bước 2: Đánh giá hiệu quả hoạt động

- So sánh kết quả đạt được với mục tiêu ban đầu để đánh giá mức độ hoàn thành.

- Phân tích hiệu quả của từng giai đoạn hoạt động học.
- Đưa ra nhận xét về sự tiến bộ của học sinh qua các bước thực hiện nhiệm vụ.
- Xác định những kết quả đạt được và những hạn chế của học sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Phân tích nguyên nhân

- Xác định rõ nguyên nhân dẫn đến thành công và hạn chế của học sinh.
- Đối chiếu với mục tiêu, nội dung, phương pháp và sản phẩm để tìm ra điểm cần cải thiện.

Sử dụng phản hồi từ học sinh và quan sát của giáo viên làm cơ sở cho phân tích.

Bước 4: Đề xuất cải tiến

- Tổ chức thảo luận giữa giáo viên và học sinh để tìm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động học.
- Đề xuất các điều chỉnh trong tổ chức hoạt động để khắc phục hạn chế.
- Lập kế hoạch cho những cải tiến cụ thể trong các bài học tương lai.

PHẦN III: CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN, CHUẨN HIỆU TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG

I. Về chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng CSGD phổ thông

Trong xu hướng hội nhập quốc tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT) đã ban hành các Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông từ năm 2009. Với mục đích coi chuẩn là công cụ hữu hiệu trong việc đánh giá và phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông 2018, Bộ GD&ĐT đã ban hành Thông tư chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông vào năm 2018 với các tiêu chuẩn, tiêu chí thể hiện được năng lực cốt lõi về chuyên môn, nghiệp vụ và quản trị nhà trường và bảo đảm tính khách quan, minh bạch.

Qua quá trình triển khai, chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng đã khẳng định được hiệu quả khi đã góp phần đánh giá và phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông đáp ứng các yêu cầu đổi mới giáo dục, góp phần đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tính chuyên nghiệp hóa trong giáo dục phổ thông.

1. Giới thiệu chung về chuẩn HT, chuẩn GV

- Chuẩn nghề nghiệp giáo viên là hệ thống các yêu cầu phẩm chất, năng lực thực hiện nhiệm vụ dạy học, giáo dục học sinh của giáo viên, được thể hiện cụ thể trong từng lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp;

Chuẩn nghề nghiệp giáo viên bao gồm 5 tiêu chuẩn, 15 tiêu chí. Tiêu chuẩn là yêu cầu chung về phẩm chất, năng lực của GV trong từng lĩnh vực hoạt động dạy học và giáo dục gồm: tiêu chuẩn *Phẩm chất nhà giáo, Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ; Xây dựng môi trường giáo dục, Phát triển mối quan hệ nhà trường, gia đình và xã hội, Sử dụng ngoại ngữ/tiếng dân tộc, ứng dụng CNTT, khai thác và sử dụng thiết bị CN trong dạy học, giáo dục.*

- Chuẩn hiệu trưởng là hệ thống phẩm chất, năng lực mà hiệu trưởng cần đạt được để lãnh đạo và quản trị nhà trường.

Chuẩn hiệu trưởng gồm 5 tiêu chuẩn và 18 tiêu chí. Tiêu chuẩn là yêu cầu về phẩm chất, năng lực ở từng lĩnh vực của chuẩn hiệu trưởng; *gồm các tiêu chuẩn: Phẩm chất nghề nghiệp, Quản trị nhà trường; Xây dựng môi trường giáo dục, Phát triển mối quan hệ nhà trường, gia đình và xã hội, Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin.*

- Các mức độ đánh chuẩn và tiêu chí theo các mức: đạt, khá, tốt và chưa đạt. Mức đạt: thực hiện nhiệm vụ theo quy định; Mức khá: chủ động đổi mới trong thực hiện nhiệm vụ được giao; chủ động tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực bản thân;

Mức tốt: Có ảnh hưởng tích cực; hướng dẫn được đồng nghiệp trong thực hiện hiệu quả nhiệm vụ/quản trị trường học để thực hiện mục tiêu giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông và phát triển giáo dục địa phương; Mức chưa đạt: chưa đáp ứng được yêu cầu, quy định trong thực hiện nhiệm vụ.

- Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, hiệu trưởng được đánh giá hằng năm, vào cuối năm học; Giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông tự đánh giá theo chu kỳ một năm một lần vào cuối năm học; Người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức đánh giá giáo viên theo chu kỳ hai năm một lần vào cuối năm học; Cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp đánh giá hiệu trưởng theo chu kỳ hai năm một lần vào cuối năm học

- Trong trường hợp đặc biệt, chu kỳ đánh giá giáo viên/hiệu trưởng được rút ngắn chu kỳ đánh giá. Đối với hiệu trưởng, cơ quan quản lý cấp trên quyết định; đối với giáo viên, người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện khi được sự đồng ý của cơ quan quản lý cấp trên.

- Việc đánh giá giáo viên/hiệu trưởng theo mức đạt được của từng tiêu chí và dựa vào minh chứng xác thực, phù hợp.

2. Thực trạng triển khai chuẩn

2.1. Kết quả đã đạt được

Trong những năm qua, việc triển khai chuẩn cơ bản đã được thực hiện đồng bộ, hiệu quả tại các địa phương; việc đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, Hiệu trưởng CSGDPT đã mang lại nhiều lợi ích và phù hợp với yêu cầu đổi mới GDPT hiện nay, cụ thể:

- Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, Hiệu trưởng CSGDPT phù hợp với yêu cầu đổi mới GDPT hiện nay.

+ Tiêu chuẩn, tiêu chí: (i) Đối với giáo viên: gồm 5 tiêu chuẩn, 15 tiêu chí, gồm tiêu chuẩn: đạo đức nhà giáo, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; năng lực xây dựng môi trường giáo dục; Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; năng lực sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục; (ii) Đối với hiệu trưởng: gồm 5 tiêu chuẩn và 18 tiêu chí gồm các tiêu chuẩn: Phẩm chất nghề nghiệp, Quản trị nhà trường, Xây dựng môi trường giáo dục, Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội, Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

+ Đánh giá công bằng và dựa trên minh chứng: Đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng tác động tốt tới sự phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và quản trị nhà trường của giáo viên, CBQLCSGDPT. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng có điểm mạnh là đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn và minh chứng cụ thể, gắn với các hoạt động dạy học, giáo dục và các hoạt

động khác trong nhà trường. Điều này giúp đảm bảo tính khách quan và công bằng trong quá trình đánh giá giáo viên, hiệu trưởng và CBQLCSGDPT.

+ Hướng dẫn và phát triển năng lực: Việc sử dụng kết quả đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng để bồi dưỡng và phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên và năng lực quản trị của CBQLCSGDPT là một ứng dụng tích cực. Điều này có thể giúp họ cải thiện kỹ năng và kiến thức để thực hiện công việc hiệu quả hơn.

- Tiêu chuẩn lựa chọn đội ngũ giáo viên, CBQL CSGDPT cốt cán là phù hợp, tạo đội có năng lực, hướng dẫn, chia sẻ, bồi dưỡng đồng nghiệp ngay tại chỗ, góp phần bồi dưỡng liên tục, tại chỗ, đem lại hiệu quả cao trong việc thực hiện đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

+ Phát triển năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên, năng lực quản trị nhà trường: Việc đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng đã tạo cơ hội để giáo viên, CBQLCSGDPT phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và quản trị nhà trường. Điều này có thể giúp nâng cao chất lượng dạy và học và hiệu suất quản lý và quản trị trong bối cảnh đổi mới GDPT.

+Thực hiện các yêu cầu đánh giá giáo viên, CBQLCSGDPT theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng ở trường, địa phương: Đảm bảo khách quan, toàn diện, công bằng và dân chủ; Đánh giá dựa trên phẩm chất, năng lực và quá trình làm việc của giáo viên, CBQLCSGDPT trong điều kiện cụ thể của CSGDPT và địa phương; Đánh giá dựa trên minh chứng theo mức đạt được của từng tiêu chí của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, Chuẩn HT ; Tất cả các tiêu chí đều có các minh chứng xác thực, phù hợp; Xếp loại kết quả đánh giá đúng với thực tế thực hiện nhiệm vụ của giáo viên, CBQLCSGDPT

+ Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, thanh tra việc triển khai thực hiện Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng ở CSGDPT của địa phương: Sự hỗ trợ và hướng dẫn từ cơ quan quản lý cấp trên đã giúp việc triển khai đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng ở CSGDPT và địa phương trở nên thuận lợi hơn. Điều này có thể củng cố tính đồng thuận và sự hợp tác trong quá trình này. Việc có các hoạt động kiểm tra và thanh tra định kỳ từ cơ quan quản lý cấp trên giúp đảm bảo tính hiệu quả và tuân thủ của việc triển khai Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng CSGDPT. Việc thông báo kết quả kiểm tra và thanh tra đến CSGDPT và địa phương là quan trọng để đảm bảo thực hiện Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng CSGDPT một cách hiệu quả.

Tuy nhiên, để duy trì và nâng cao tính hiệu quả của việc đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng CSGDPT, có thể cần tiếp tục theo dõi và điều chỉnh quy trình để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của GDPT đang thay đổi và phát triển.

2.2. Một số hạn chế

Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông đã chứng minh được tính tích cực của mình sau 6 năm triển khai. Song bên cạnh đó, cũng đã bộc lộ một số nội dung, quy trình không còn phù hợp với việc tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Điều đó được thể hiện qua một số tồn tại và hạn chế sau đây:

- Khó khăn trong việc thu thập minh chứng: Khó khăn trong việc thu thập các minh chứng cụ thể cho các tiêu chí. Một số tiêu chí liên quan đến sử dụng ngoại ngữ được coi là quá cao, và việc thu thập minh chứng là khó khăn.

- Thu thập và lưu trữ minh chứng không đầy đủ: Vấn đề về lưu trữ minh chứng không được quan tâm hoặc thực hiện không đầy đủ, gây khó khăn trong việc truy xuất thông tin cần thiết.

- Quy trình đánh giá theo 360 độ cũng cho thấy những hạn chế khi việc lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp hay giáo viên cho ý kiến đối với cán bộ quản lý không đem lại hiệu quả như mong muốn vì giáo viên có thể ngại tham gia vào việc lấy ý kiến hoặc đóng góp ý kiến cho quá trình đánh giá, nhất là đánh giá đối với hiệu trưởng của mình.

- Đối với chuẩn hiệu trưởng: chưa có tiêu chuẩn, tiêu chí riêng, phù hợp đối với Phó Hiệu trưởng, Do vậy, việc đánh giá Phó hiệu trưởng theo Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông gặp khó khăn. Phó hiệu trưởng giúp việc cho hiệu trưởng, thực hiện nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công và khỏn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của hiệu trưởng nhưng phải đánh giá theo các mức của HT, đặc biệt các nhiệm vụ không được phân công như Tài chính, Nhân sự,...

3. Một số định hướng sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới

- Đối với chuẩn hiệu trưởng: bổ sung đối tượng Phó hiệu trưởng trường phổ thông và xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí phù hợp.

- Mục đích sử dụng kết quả đánh giá theo Chuẩn giáo viên, Hiệu trưởng: điều chỉnh mục đích đánh giá chuẩn, theo đó giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông đánh giá một năm một lần theo chuẩn nghề nghiệp (thay cho đánh giá viên chức).

- Về các tiêu chuẩn, tiêu chí:

Đối với tiêu chí về sử dụng ngoại ngữ: Và năng lực ngoại ngữ là điều kiện và không đánh giá theo mức độ' song phải quy định với xu hướng tích cực, tạo động lực để đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông nâng cao được năng lực ngoại ngữ nói chung, tiếng Anh nói riêng, từng bước thực hiện tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2 theo Kết luận 91-KL/TW về tổng kết Nghị quyết số 29-NQ/TW.

Rà soát, nghiên cứu để tiêu chuẩn, tiêu chí phù hợp với giáo viên, cán bộ quản

lý cơ sở giáo dục trong và ngoài công lập.

d) Minh chứng sử dụng trong đánh giá: Hướng dẫn cụ thể hơn về minh chứng, thu thập minh chứng, trích nguồn minh chứng liên quan đến công việc trong nhà trường, đến tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục của mỗi cá nhân và đơn vị và quy định rõ để giáo viên, cán bộ quản lý có thể chủ động tập hợp minh chứng thực hiện từ đầu năm học và ghi trích nguồn minh chứng (nếu là minh chứng cho các hoạt động thực hiện nhiệm vụ do nhà trường giao,..) không ngụy tạo minh chứng.

e) Qui trình đánh giá và xếp loại kết quả đánh giá: Giảm lược quy trình đánh giá và đảm bảo tính khách quan và công bằng, phù hợp với đánh giá giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trong và ngoài công lập

f) Chu kỳ đánh giá: thực hiện hằng năm thay cho đánh giá viên chức hiện hành.

Giáo viên, cán bộ quản lý cần hiểu rõ hơn mục đích của đánh giá chuẩn không phải là để xếp loại, đánh giá thi đua nên tham gia đánh giá khách quan, trung thực.

4. Một số nội dung dự kiến trong dự thảo Luật Nhà giáo

- Chuẩn nghề nghiệp nhà giáo áp dụng đối với cả nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập và nhà giáo trong cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Tiêu chuẩn gồm: tiêu chuẩn về đạo đức nhà giáo; trình độ đào tạo; chuyên môn, nghiệp vụ;

- Sử dụng chuẩn nghề nghiệp:

(i) Các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục sử dụng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo trong tuyển dụng, bố trí và đánh giá đối với nhà giáo; xây dựng và thực hiện chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo.

(ii) Các cơ sở giáo dục sử dụng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo.

(iii) Nhà giáo sử dụng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo trong việc tự đánh giá phẩm chất, năng lực; xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện, bồi dưỡng, phát triển nghề nghiệp liên tục.

(iv) Chuẩn nghề nghiệp nhà giáo được áp dụng thống nhất đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập, ngoài công lập và nhà giáo là người nước ngoài được tuyển dụng trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Thẩm quyền

(i) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khung chuẩn nghề nghiệp nhà giáo và quy định cụ thể chuẩn nghề nghiệp nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.

(ii) Căn cứ khung chuẩn nghề nghiệp nhà giáo, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cơ quan có thẩm quyền quy định cụ thể chuẩn nghề nghiệp nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.

Có thể thấy, trong hơn 15 năm triển khai, chuẩn nghề nghiệp đã trở thành công cụ hiệu quả cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông đã phát triển được năng lực tự thân, tự đánh giá để biết mình đang thiếu gì, cần gì từ đó xây dựng kế hoạch phát triển bản thân; là công cụ hiệu quả cho cơ quan quản lý nhà nước nghiên cứu, xây dựng chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trung và đúng. Bên cạnh đó, cần tiếp tục nghiên cứu, xây dựng hoàn thiện chuẩn nghề nghiệp giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và hội nhập quốc tế.

II. Về chế độ làm việc của giáo viên phổ thông

1. Quy định hiện hành về chế độ làm việc của giáo viên phổ thông

Chế độ làm việc của giáo viên phổ thông hiện đang thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 và Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT. Quy định về chế độ làm việc của giáo viên bao gồm nhiệm vụ của giáo viên; thời gian làm việc trong một năm; định mức tiết dạy; chế độ giảm định mức tiết dạy và quy đổi các hoạt động khác ra tiết dạy.

Bên cạnh đó, quy định về giảm định mức tiết dạy trong trường hợp giáo viên kiêm nhiệm công tác giáo vụ, tư vấn học sinh, phụ trách điểm trường thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT¹⁶. Quy định về giảm định mức tiết dạy đối với giáo viên kiêm nhiệm bí thư Đoàn (hoặc Trợ lý Thanh niên, cố vấn Đoàn), Phó Bí thư Đoàn thực hiện theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề. Quy định về giảm định mức giờ dạy cho giáo viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thực hiện theo Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/03/2016.

Như vậy, quy định liên quan đến chế độ làm việc của nhà giáo đã thực hiện từ năm 2009, tính đến thời điểm hiện tại là 15 năm, được sửa đổi, bổ sung 7 năm. Do đó, khi triển khai thực hiện trong bối cảnh hoạt động giảng dạy, giáo dục đã có nhiều thay đổi thì một số nội dung quy định hiện hành về chế độ làm việc không còn phù hợp. Cụ thể như sau:

a) Về đối tượng áp dụng: Chưa có quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo trong trường phổ thông có nhiều cấp học. Việc áp dụng thực hiện đối với giáo viên,

¹⁶ Điều 9 Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT còn hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

CBQL trong trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên chưa rõ ràng.

b) Về quy định định mức tiết dạy:

Việc quy định cứng định mức tiết dạy/tuần đối với giáo viên chưa bảo phù hợp với phân phối chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trong bối cảnh hiện nay, đặc biệt là việc dạy các môn học tích hợp ở cấp THCS.

Việc căn cứ hạng trường để quy định định mức tiết dạy của giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh không còn phù hợp vì hiện không còn quy định hạng trường đối với ngành Giáo dục.

c) Về thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên:

Quy định về thời gian dành cho giảng dạy và các hoạt động giáo dục của các cấp học chưa thống nhất với các quy định về khung thời gian năm học tại Chương trình giáo dục phổ thông dẫn đến những khó khăn trong việc tính tổng số tiết dạy của giáo viên trong năm học để làm căn cứ chi trả tiền lương làm thêm giờ.

Quy định về thời gian nghỉ hè đối với giáo viên mầm non và giáo viên phổ thông chưa đồng bộ ở các văn bản quy định khác nhau. Việc thực hiện chế độ nghỉ hè của cán bộ quản lý cơ sở giáo dục chưa thống nhất.

d) Về quy định kiêm nhiệm:

Chưa có quy định giảm định mức tiết dạy đối với nhà giáo kiêm tổ trưởng tổ quản lý học sinh; quy định giảm định mức tiết dạy đối với giáo viên chủ nhiệm cấp tiểu học, giáo viên kiêm trưởng, phó phòng chức năng của trường dự bị đại học chưa phù hợp...

Việc phân công kiêm nhiệm còn bất cập, có giáo viên phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ chuyên môn, đồng thời kiêm nhiệm nhiều chức vụ làm ảnh hưởng đến công tác chuyên môn, kết quả giảng dạy, gây mất công bằng lao động.

Quy định giảm định mức tiết dạy đối với tổ tư vấn học sinh chưa rõ ràng nên địa phương mỗi nơi thực hiện việc giảm định mức cho giáo viên tham gia theo các cách khác nhau.

Quy định giảm định mức tiết dạy đối với giáo viên kiêm bí thư đảng bộ, bí thư chi bộ (nơi không thành lập đảng bộ) hiện đang căn cứ theo hạng trường là chưa phù hợp như lý do đã nêu ở điểm b mục này.

Chưa có quy định giảm định mức tiết dạy đối với một số vị trí việc làm như công tác văn thư, thư viện, hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, công tác hành chính tại các phòng chức năng trong trường dự bị đại học...

đ) Về việc quy đổi các nhiệm vụ chuyên môn khác:

Các hình thức, phương thức giảng dạy, giáo dục trong thời gian qua đã có nhiều thay đổi theo hướng hiện đại hóa, công nghệ hóa, các quy định về quy đổi nhiệm vụ chuyên môn trong Thông tư 28 và Thông tư 15 chưa theo kịp với sự thay đổi của thời đại. Chẳng hạn: hình thức dạy học trực tuyến là một hình thức được triển khai song song với dạy học trực tiếp; để tăng cường hiệu quả sử dụng đội ngũ, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, nhiều cơ sở giáo dục phải bố trí giáo viên dạy liên trường... Tuy nhiên, chưa có quy định chế độ làm việc đối với hình thức dạy học trực tuyến và chưa có quy đổi cho giáo viên dạy liên trường.

Ngoài ra, còn một số nhiệm vụ chuyên môn gắn liền với hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo chưa có quy định cụ thể về quy đổi, như việc dạy bồi dưỡng học sinh giỏi, dạy phụ đạo học sinh yếu kém...

Chính vì vậy, hiện tại Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng Thông tư quy định chế độ làm việc để thay thế Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT và Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT nhằm khắc phục các vướng mắc nêu trên.

2. Một số định hướng điều chỉnh

Trong phạm vi tài liệu này, Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục trao đổi cụ thể về định hướng điều chỉnh một số bất cập liên quan đến số tuần giảng dạy để làm căn cứ tính trả tiền lương làm thêm giờ của giáo viên, việc quy đổi từ tiết dạy qua giờ hành chính, quy định về tính giảm định mức tiết dạy đối với một số trường hợp cụ thể.

2.1. Đối với quy định về số tuần dành cho giảng dạy

Số tuần dành cho giảng dạy và hoạt động giáo dục đối với giáo viên THCS, THPT thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT, cụ thể là 37 tuần. Theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT thì số tuần thực học là 35 tuần. Hằng năm, Bộ GDĐT ban hành các quyết định quy định về khung thời gian năm học, theo đó 01 năm học được tính từ ngày khai giảng (ngày 05/9 năm trước) cho đến ngày kết thúc năm học (trước ngày 31/5 năm sau) với khoảng 38 tuần. Trong đó có 01 tuần nghỉ Tết Nguyên đán, 37 tuần dành cho việc giảng dạy và hoạt động giáo dục với 35 tuần thực học và 02 tuần dự phòng. Vì vậy, việc quy định về khung kế hoạch thời gian năm học và quy định về thời gian dành cho giảng dạy và các hoạt động giáo dục nêu trên là thống nhất và không mâu thuẫn với nhau.

Tuy nhiên, khi tính tổng số tiết dạy của giáo viên/năm học để làm căn cứ chi trả tiền lương làm thêm giờ, địa phương chưa thống nhất tính theo số tuần thực dạy (35 tuần) hay tính cả số tuần dự phòng (37 tuần). Qua báo cáo về việc chi trả chế độ thừa giờ của 60/63 tỉnh/thành phố mà Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục nhận được, hiện có 17 tỉnh đang tính tổng số tuần dành cho giảng dạy/năm học là 35 tuần, có 9 tỉnh tính tổng số tuần dành cho giảng dạy/năm học là 37 tuần, trong khi đó có

tới 24 tỉnh có tình trạng vừa có trường xác định số tuần dành cho giảng dạy/năm học là 35 tuần, vừa có trường xác định số tuần dành cho giảng dạy/năm học là 37 tuần.

Vì vậy, tại Thông tư quy định về chế độ làm việc của giáo viên phổ thông thay thế Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT và Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT, Bộ Giáo dục và Đào tạo dự kiến điều chỉnh quy định về thời gian làm việc của giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông theo hướng quy định rõ số tuần giảng dạy các nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông là 37 tuần (bao gồm 35 tuần thực dạy và 02 tuần dự phòng).

2.2. Đối với quy định về việc quy đổi từ tiết dạy qua giờ hành chính

Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC về hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập, số giờ dạy thêm được tính trả tiền lương dạy thêm giờ không quá số giờ làm thêm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên thực tế, chưa có quy định nào hướng dẫn về việc quy đổi từ tiết dạy của giáo viên ra giờ hành chính, dẫn đến tình trạng khi tính tổng số giờ dạy thêm của giáo viên các trường đang gặp lúng túng, đặc biệt là việc tính toán đối với những giáo viên dạy quá 200 tiết/năm.

Qua tổng hợp báo cáo về việc chi trả tiền lương dạy thêm giờ của 60/63 tỉnh, đa số các địa phương tính 01 tiết dạy của giáo viên tương đương với 01 giờ làm việc hành chính. Bên cạnh đó, có tỉnh Bình Dương đang quy đổi từ tiết dạy ra giờ hành chính tương ứng với thời gian thực dạy của giáo viên từng cấp học.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang tiến hành rà soát, đánh giá việc thi hành Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC để có căn cứ đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung và dự kiến nội dung quy định nhằm khắc phục khó khăn, vướng mắc, trong đó có việc quy đổi từ tiết dạy qua giờ hành chính để địa phương có căn cứ triển khai thực hiện thống nhất.

2.3. Đối với quy định giảm định mức tiết dạy

Như đã nêu ở điểm d, đ mục 1, hiện còn một số bất cập liên quan đến quy định về việc giảm định mức tiết dạy khi giáo viên được phân công kiêm nhiệm nhiệm vụ chuyên môn, kiêm nhiệm chức vụ đảng, đoàn thể, kiêm nhiệm một số vị trí việc làm... Do đó, tại Thông tư quy định về chế độ làm việc của giáo viên phổ thông thay thế Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT và Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT, Bộ Giáo dục và Đào tạo dự kiến quy định rõ hơn chế độ giảm định mức tiết dạy và quy đổi các hoạt động chuyên môn ra tiết dạy theo hướng bảo đảm tương quan giữa các cấp học; bổ sung các nội dung kiêm nhiệm, các hoạt động chuyên môn mà giáo viên phải thực hiện trong quy định nhiệm vụ nhưng chưa có quy định giảm định mức hoặc quy đổi ra tiết dạy.

Ví dụ: Quy định chế độ giảm định mức tiết dạy đối với tổ trưởng, tổ phó tổ quản lý học sinh trong trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc

bán trú; làm rõ số tiết giảm của giáo viên kiêm nhiệm công tác giáo vụ, công tác tư vấn học sinh; bổ sung quy định giảm định mức tiết dạy đối với trường hợp giáo viên kiêm nhiệm một số vị trí việc làm khác như công nghệ thông tin, văn thư, thư viện...

Bên cạnh đó, quy định hiện hành về định mức tiết dạy đối với giáo viên kiêm bí thư đảng bộ, bí thư chi bộ (nơi không thành lập đảng bộ) hiện đang căn cứ theo hạng trường. Trước đây quy định về hạng trường thực hiện theo Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Tuy nhiên, khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT thì quy định về hạng trường không còn. Do đó, những nội dung có liên quan đến hạng trường không còn phù hợp và thống nhất với các văn bản quy định hiện hành. Vì vậy, tại Thông tư quy định về chế độ làm việc của giáo viên phổ thông thay thế Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT và Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT, Bộ Giáo dục và Đào tạo dự kiến không quy định hạng trường mà căn cứ vào quy mô lớp học để quy định chế độ giảm định mức tiết dạy đối với giáo viên kiêm bí thư đảng bộ, bí thư chi bộ. Tương tự đối với quy định về định mức tiết dạy của giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Đồng thời, quy định số tiết giảm cụ thể để thuận tiện cho việc tính toán, quy đổi.

Quy định về chế độ giảm định mức tiết dạy đối với giáo viên kiêm nhiệm công tác công đoàn tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT; và đối với giáo viên kiêm công tác bí thư đoàn hoặc Trợ lý Thanh niên, cố vấn Đoàn, phó bí thư đoàn cấp trường được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg.

Tuy nhiên, dự thảo Thông tư chỉ có thể quy định rõ đối với các hoạt động mang tính chất thường xuyên, liên tục đã được quy định trong nhiệm vụ của nhà giáo, hoạt động của nhà trường. Thực tế có thể sẽ có những nhiệm vụ phát sinh, chưa được quy định. Do đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo dự kiến quy định đối với nhiệm vụ chưa được quy định chế độ giảm định mức tiết dạy hoặc quy đổi ra tiết dạy tại Thông tư thì hiệu trưởng căn cứ vào mức độ phức tạp, khối lượng công việc để quy đổi ra tiết dạy sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng trường và báo cáo cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp.

3. Một số lưu ý khi thực hiện quy định về chế độ làm việc của giáo viên phổ thông

Trong khi Bộ GDĐT đang triển khai việc xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT và Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT, đề nghị nhà trường thực hiện một số nội dung sau:

- Thống nhất thực hiện các quy định về chế độ làm việc tại Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT và Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT, trong đó có quy định về

số tuần dành cho việc giảng dạy và hoạt động giáo dục theo quy định về kế hoạch thời gian năm học là 37 tuần.

- Việc phân công, bố trí nhiệm vụ cho giáo viên phải bảo đảm quy định về định mức tiết dạy, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi theo quy định của pháp luật; bảo đảm công khai, công bằng giữa các giáo viên trong cùng trường. Trường hợp phải bố trí giáo viên kiêm nhiệm, hiệu trưởng ưu tiên phân công kiêm nhiệm đối với giáo viên dạy chưa đủ định mức tiết dạy và bảo đảm giáo viên đáp ứng yêu cầu năng lực của nhiệm vụ được phân công.

- Ngoài các nhiệm vụ đã có quy định cụ thể về giảm định mức tiết dạy và quy đổi ra tiết dạy, hiệu trưởng nhà trường căn cứ tình hình thực tế quy định việc quy đổi tiết dạy đối với các công việc chuyên môn khác sau khi có ý kiến đồng ý của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý đối với các cơ sở giáo dục./.

PHỤ LỤC
(Các văn bản chỉ đạo liên quan)
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5555 /BGDDĐT-GDTrH

V/v hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2014

Kính gửi:

- Các sở giáo dục và đào tạo
- Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên

Nhằm hỗ trợ các trường phổ thông, các trung tâm giáo dục thường xuyên triển khai có hiệu quả việc đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học (PPDH) và kiểm tra, đánh giá (KTĐG) chất lượng giáo dục, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về phát triển kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực học sinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn một số nội dung sinh hoạt chuyên môn về đổi mới PPDH, KTĐG và tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn trong trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX) qua mạng như sau:

I. Mục đích

1. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn trong trường trung học và trung tâm GDTX, tập trung vào thực hiện đổi mới PPDH và KTĐG theo định hướng phát triển năng lực học sinh;

2. Giúp cho cán bộ quản lý, giáo viên bước đầu biết chủ động lựa chọn nội dung để xây dựng các chuyên đề dạy học trong mỗi môn học và các chuyên đề tích hợp, liên môn phù hợp với việc tổ chức hoạt động học tích cực, tự lực, sáng tạo của học sinh; sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực để xây dựng tiến trình dạy học theo chuyên đề nhằm phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh; làm quen với hình thức tập huấn, bồi dưỡng, học tập và sinh hoạt chuyên môn qua mạng.

3. Thống nhất phương thức tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm GDTX qua mạng, tạo tiền đề tích cực cho việc triển khai thực hiện đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015.

II. Yêu cầu

1. Việc xây dựng các chuyên đề dạy học trong mỗi môn học, các chuyên đề tích hợp, liên môn và kế hoạch dạy học bộ môn phải nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh; kế hoạch dạy học của tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên phải được lãnh đạo nhà trường phê duyệt trước khi thực hiện và là căn cứ để thanh tra, kiểm tra;

2. Việc sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn trong trường trung học và trung tâm GDTX, tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trên mạng phải được thực hiện nghiêm túc, mang lại hiệu quả thiết thực. Mỗi giáo viên có 01 tài khoản để tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên môn qua mạng. Mỗi tổ/nhóm chuyên môn trong trường trung học và trung tâm GDTX phải xây dựng được tối thiểu 02 chuyên đề dạy học/học kỳ; tổ chức dạy thử nghiệm để dự giờ, phân tích, rút kinh nghiệm và nộp kết quả qua diễn đàn trên mạng.

3. Các nội dung sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn khác phải được tổ chức thực hiện đầy đủ theo quy định hiện hành.

III. Nội dung sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn về đổi mới PPDH và KTĐG

1. Xây dựng chuyên đề dạy học

Thay cho việc dạy học đang được thực hiện theo từng bài/tiết trong sách giáo khoa như hiện nay, các tổ/nhóm chuyên môn căn cứ vào chương trình và sách giáo khoa hiện hành, lựa chọn nội dung để xây dựng các chuyên đề dạy học phù hợp với việc sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong điều kiện thực tế của nhà trường. Trên cơ sở rà soát chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ theo chương trình hiện hành và các hoạt động học dự kiến sẽ tổ chức cho học sinh theo phương pháp dạy học tích cực, xác định các năng lực và phẩm chất có thể hình thành cho học sinh trong mỗi chuyên đề đã xây dựng.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập

Với mỗi chuyên đề đã xây dựng, xác định và mô tả 4 mức độ yêu cầu (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) của mỗi loại câu hỏi/bài tập có thể sử dụng để kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong dạy học. Trên cơ sở đó, biên soạn các câu hỏi/bài tập cụ thể theo các mức độ yêu cầu đã mô tả để sử dụng trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá, luyện tập theo chuyên đề đã xây dựng.

3. Thiết kế tiến trình dạy học

Tiến trình dạy học chuyên đề được tổ chức thành các hoạt động học của học sinh để có thể thực hiện ở trên lớp và ở nhà, mỗi tiết học trên lớp có thể chỉ thực hiện một số hoạt động trong tiến trình sư phạm của phương pháp và kỹ thuật dạy học được sử dụng.

4. Tổ chức dạy học và dự giờ

Trên cơ sở các chuyên đề dạy học đã được xây dựng, tổ/nhóm chuyên môn phân công giáo viên thực hiện bài học để dự giờ, phân tích và rút kinh nghiệm về giờ dạy. Khi dự giờ, cần tập trung quan sát *hoạt động học của học sinh* thông qua việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ học tập với yêu cầu như sau:

- *Chuyển giao nhiệm vụ học tập*: nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của học sinh, thể hiện ở yêu cầu về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú nhận thức của học sinh; đảm bảo cho tất cả học sinh tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

- *Thực hiện nhiệm vụ học tập*: khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh và có biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả; không có học sinh bị "bỏ quên".

- *Báo cáo kết quả và thảo luận*: hình thức báo cáo phù hợp với nội dung học tập và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích cho học sinh trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lý những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lý.

- *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*: nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến thảo luận của học sinh; chính xác hóa các kiến thức mà học sinh đã học được thông qua hoạt động.

Mỗi chuyên đề được thực hiện ở nhiều tiết học nên một nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện ở trong và ngoài lớp học. Vì thế, trong một tiết học có thể chỉ thực hiện một số bước trong tiến trình sư phạm của phương pháp và kỹ thuật dạy học được sử dụng. Khi dự một giờ dạy, giáo viên cần phải đặt nó trong toàn bộ tiến trình dạy học của chuyên đề đã thiết kế. Cần tổ chức ghi hình các giờ dạy để sử dụng khi phân tích bài học.

5. Phân tích, rút kinh nghiệm bài học

Quá trình dạy học mỗi chuyên đề được thiết kế thành các hoạt động học của học sinh dưới dạng các nhiệm vụ học tập kế tiếp nhau, có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà. Học sinh tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Phân tích giờ dạy theo quan điểm đó là phân tích hiệu quả hoạt động học của học sinh, đồng thời đánh giá việc tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học cho học sinh của giáo viên.

Việc phân tích bài học có thể được căn cứ vào các tiêu chí cụ thể như sau:

| Nội dung | Tiêu chí |
|---------------------------------------|--|
| 1. Kế hoạch và tài liệu dạy học | Mức độ phù hợp của chuỗi <i>hoạt động học</i> với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng. |
| | Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kỹ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi <i>nhiệm vụ học tập</i> . |
| | Mức độ phù hợp của <i>thiết bị dạy học</i> và <i>học liệu</i> được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh. |
| | Mức độ hợp lý của phương án <i>kiểm tra, đánh giá</i> trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh. |
| 2. Tổ chức hoạt động học cho học sinh | Mức độ sinh động, hấp dẫn học sinh của phương pháp và hình thức chuyển <i>giao nhiệm vụ học tập</i> . |
| | Khả năng <i>theo dõi, quan sát, phát hiện</i> kịp thời những khó khăn của học sinh. |
| | Mức độ phù hợp, hiệu quả của các <i>biện pháp hỗ trợ</i> và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |
| | Mức độ hiệu quả hoạt động của giáo viên trong việc <i>tổng hợp, phân tích, đánh giá</i> kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của học sinh. |
| 3. Hoạt động của học sinh | Khả năng <i>tiếp nhận và sẵn sàng</i> thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả học sinh trong lớp. |
| | Mức độ <i>tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác</i> của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập. |
| | Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong <i>trình bày, trao đổi, thảo luận</i> về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. |
| | Mức độ <i>đúng đắn, chính xác, phù hợp</i> của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. |

IV. Tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn qua mạng

Để tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong các trường; tạo môi trường chia sẻ, thảo luận, hỗ trợ lẫn nhau giữa các trường phổ thông, trung tâm GDTX trên phạm vi toàn quốc; tổ chức các hoạt động học tập và hỗ trợ hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh trên mạng, Bộ GDĐT tổ chức "Trường học kết nối" trên mạng tại địa chỉ website: <http://truongtructuyen.edu.vn>. Mỗi Sở GDĐT

được cấp 01 tài khoản cấp sở để tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của các cơ sở giáo dục trên địa bàn. Sở GDĐT cấp tài khoản cho các trường trung học/trung tâm GDTX để qua đó cấp tài khoản cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh tham gia các hoạt động chuyên môn qua mạng.

Giáo viên là người trực tiếp tham gia thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trong các khóa học/bài học/chuyên đề. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, giáo viên có thể tham khảo các tài liệu điện tử trên mạng hoặc/và các tài liệu truyền thống; trao đổi tài liệu và thảo luận với các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn (trực tiếp và qua mạng); trao đổi với giảng viên/ban tổ chức về những vấn đề có liên quan.

Giáo viên có thể được giao quyền cấp tài khoản cho học sinh; xây dựng các khóa học/bài học trên mạng; tổ chức, quản lý và hỗ trợ học sinh thực hiện các hoạt động học tập qua mạng theo hình thức “hoạt động trải nghiệm sáng tạo”.

V. Trách nhiệm của các cấp quản lý giáo dục

1. Các sở GDĐT có trách nhiệm cấp tài khoản và tổ chức tập huấn sử dụng hệ thống cho Phòng GDĐT, nhà trường/trung tâm và tất cả giáo viên như sau:

- Giám đốc Sở GDĐT nhận tài khoản cấp sở và chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn trên hệ thống “Trường học kết nối” trong phạm vi quyền hạn của tài khoản được cấp; cử tối thiểu 01 cán bộ tham gia quản trị hệ thống;

- Cán bộ quản trị hệ thống của Sở GDĐT phải thành thạo quy trình tổ chức và quản lý hệ thống; cấp tài khoản và tập huấn cho các trường trung học/trung tâm GDTX trong phạm vi của sở về quy trình tổ chức và quản lý hệ thống, bao gồm việc cấp tài khoản và hướng dẫn giáo viên, học sinh tham gia các hoạt động chuyên môn qua mạng.

- Hiệu trưởng/Giám đốc nhận tài khoản cấp trường/trung tâm từ Sở GDĐT; chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trên hệ thống “Trường học kết nối” trong phạm vi quyền hạn của tài khoản được cấp; cử tối thiểu 01 giáo viên tham gia quản trị hệ thống;

- Cán bộ quản trị hệ thống của trường/trung tâm phải thành thạo quy trình tổ chức và quản lý hệ thống; cấp tài khoản và tập huấn cho giáo viên, học sinh tham gia các hoạt động chuyên môn trên hệ thống.

2. Tổ trưởng/nhóm trưởng lãnh đạo tổ/nhóm chuyên môn tham gia các khóa học/bài học/chuyên đề qua mạng. Hoạt động của tổ trưởng/nhóm trưởng như sau:

- Đăng kí tham gia các khóa học/bài học/chuyên đề và yêu cầu các thành viên của tổ/nhóm chuyên môn tham gia tạo thành 01 nhóm sinh hoạt chuyên môn trên hệ thống.

- Tổ chức thảo luận trong tổ/nhóm chuyên môn (trực tiếp và qua mạng) để thực hiện các nhiệm vụ được giao trong khóa học/bài học/chuyên đề; thống nhất các ý kiến và hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của tổ/nhóm.

- Nộp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của tổ/nhóm lên mạng theo quy định.

3. Các Sở GDĐT, Phòng GDĐT và nhà trường/trung tâm thường xuyên chỉ đạo tổ chức sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn thông qua dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện các chuyên đề, tiến trình dạy học và phương pháp tổ chức hoạt động dạy học; có biện pháp khuyến khích, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các hoạt động chuyên môn trên mạng; có hình thức động viên, khen thưởng các tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá.

4. Các cơ sở đào tạo giáo viên chủ động đưa nội dung đổi mới PPDH và KTĐG theo định hướng phát triển năng lực học sinh vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn qua mạng.

Nhận được công văn này, các sở GDĐT gửi danh sách cán bộ phụ trách mạng (họ và tên; chức vụ; đơn vị công tác; địa chỉ liên hệ; điện thoại; email) về Bộ GDĐT (qua email: vugdtrh@moet.edu.vn; xuanthanh@moet.edu.vn) để được nhận tài khoản và hướng dẫn sử dụng hệ thống. Việc cấp tài khoản và hướng dẫn sử dụng cho các Phòng GDĐT, nhà trường/trung tâm, giáo viên phải hoàn thành trước ngày 30/11/2014. Trong quá thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Trung học, Vụ GDTX) để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Thanh tra Bộ (để thực hiện);
- Vụ GDTX (để thực hiện);
- Lưu: VT, GDTrH, GDTX..

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Hiển

Số: 5512/BGDĐT-GDTrH

V/v xây dựng và tổ chức thực hiện
kế hoạch giáo dục của nhà trường

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: Các Sở Giáo dục và Đào tạo¹⁷

Thực hiện Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học như sau:

I. Mục tiêu chung

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường bảo đảm yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông¹⁸ (sau đây gọi là chương trình) linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở giáo dục.

2. Phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên trong việc thực hiện chương trình; khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện các phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường; bảo đảm tính dân chủ, thống nhất giữa các tổ chuyên môn và các tổ chức đoàn thể, phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

II. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường

1. Kế hoạch thời gian thực hiện chương trình (phân phối chương trình)

Căn cứ vào kế hoạch thời gian năm học do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định và hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học hằng năm của Sở GDĐT¹⁹, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng và ban hành kế hoạch thời gian thực hiện chương trình của từng môn học bắt buộc, môn học tự chọn, môn học lựa chọn, chuyên đề học tập lựa chọn, hoạt động giáo dục bắt buộc, nội dung giáo dục

¹⁷ Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ Bạc Liêu.

¹⁸ Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 và Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.

¹⁹ Căn cứ vào hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

địa phương (sau đây gọi chung là môn học) bảo đảm tổng số tiết/năm học quy định trong chương trình. Chương trình mỗi môn học ở mỗi khối lớp được bố trí phù hợp trong cả năm học. Các nhà trường chủ động bố trí thời gian thực hiện chương trình bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh, không bắt buộc phải dạy môn học ở tất cả các tuần, không bắt buộc phải chia đều số tiết/tuần để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường. Đối với mỗi mạch kiến thức trong các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở có thể được bắt đầu thực hiện và hoàn thành trong từng học kỳ của năm học²⁰.

Đối với các môn học lựa chọn và chuyên đề học tập lựa chọn ở cấp trung học phổ thông, nhà trường xây dựng một số tổ hợp gồm 5 môn học được chọn từ 3 nhóm môn học lựa chọn trong chương trình²¹ (mỗi nhóm chọn ít nhất 1 môn học) và xây dựng một số tổ hợp 3 cụm chuyên đề của 3 môn học trong chương trình phù hợp với khả năng tổ chức của nhà trường; đồng thời xây dựng phương án tổ chức cho học sinh đăng kí lựa chọn và tổ chức thực hiện để vừa đáp ứng nhu cầu của học sinh vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên²², cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường.

Đối với các hoạt động giáo dục được tổ chức theo hình thức tham quan, cắm trại, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng (sau đây gọi chung là hoạt động giáo dục), Hiệu trưởng tổ chức xây dựng kế hoạch thời gian thực hiện phù hợp với kế hoạch thời gian thực hiện chương trình các môn học và điều kiện cụ thể của nhà trường; tạo môi trường cho học sinh được trải nghiệm, vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học trong chương trình các môn học, hoạt động giáo dục vào thực tiễn.

2. Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn

Căn cứ vào kế hoạch thời gian thực hiện chương trình các môn học đã được Hiệu trưởng quyết định, các tổ chuyên môn xây dựng Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, bao gồm Kế hoạch dạy học các môn học (theo Khung kế hoạch dạy học môn học tại Phụ lục 1) và Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục (theo Khung kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục tại Phụ lục 2). Đối với việc tổ chức các hoạt động giáo dục, đơn vị được giao chủ trì hoạt động nào xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức hoạt động đó, bao gồm các thành phần cơ bản sau: mục đích, yêu cầu; nội

²⁰ Đối với cấp trung học cơ sở, mỗi mạch nội dung của môn Khoa học tự nhiên có thể phân công cho một giáo viên có chuyên môn phù hợp (Hoá học: Chất và sự biến đổi chất; Sinh học: Vật sống; Vật lí: Năng lượng và sự biến đổi, Trái đất và bầu trời) để bắt đầu thực hiện và hoàn thành trong từng 1/2 học kỳ của năm học; mỗi mạch nội dung của môn Lịch sử và Địa lí có thể phân công cho một giáo viên Lịch sử và một giáo viên Địa lí để bắt đầu thực hiện và hoàn thành trong từng học kỳ của năm học.

²¹ Nhóm môn học khoa học xã hội: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật; Nhóm môn khoa học tự nhiên: Vật lí, Hóa học, Sinh học; Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật: Công nghệ, Tin học, Âm nhạc, Mĩ thuật.

²² Bảo đảm định mức giờ dạy theo quy định của giáo viên trong nhà trường.

dung, hình thức và chương trình tổ chức hoạt động; tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động đối với các đối tượng tham gia; thời gian và địa điểm tổ chức; nguồn lực được huy động để tổ chức thực hiện.

Thực hiện sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học; định kì sinh hoạt chuyên môn để xây dựng bài học minh họa, tổ chức dạy học và dự giờ để phân tích, rút kinh nghiệm giờ dạy dựa trên phân tích hoạt động học của học sinh²³. Việc dự giờ, thăm lớp của giáo viên được thực hiện theo kế hoạch sinh hoạt chuyên môn của tổ/nhóm chuyên môn.

3. Kế hoạch giáo dục của giáo viên và Kế hoạch bài dạy (giáo án)

Căn cứ vào Kế hoạch dạy học các môn học của tổ chuyên môn, giáo viên được phân công dạy học môn học ở các khối lớp xây dựng Kế hoạch giáo dục của giáo viên trong năm học (theo Khung kế hoạch giáo dục của giáo viên tại Phụ lục 3); trên cơ sở đó xây dựng các Kế hoạch bài dạy (theo Khung kế hoạch bài dạy tại Phụ lục 4) để tổ chức dạy học.

Không bắt buộc học sinh phải trang bị điện thoại di động để phục vụ học tập. Việc cho phép học sinh sử dụng điện thoại di động trong lớp học để hỗ trợ hoạt động học do giáo viên trực tiếp giảng dạy môn học quyết định; được giáo viên hướng dẫn cụ thể trong các hoạt động đã được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy sao cho không yêu cầu tất cả học sinh phải có điện thoại để sử dụng và bảo đảm yêu cầu phù hợp với nội dung học tập. Giáo viên thông báo cụ thể yêu cầu học sinh chỉ được sử dụng điện thoại như là một thiết bị hỗ trợ hoạt động học và những điều học sinh không được làm khi sử dụng điện thoại trên lớp, trong giờ học.

Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức: hỏi - đáp, viết, thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, khi đánh giá bằng điểm số phải thông báo trước cho học sinh về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho học sinh tự học; chú trọng đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của học sinh theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập đã được nêu cụ thể trong Kế hoạch bài dạy.

4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá định kì

a) Đối với bài kiểm tra

²³ Phân tích từng hoạt động theo 4 bước sau: (1) Mô tả hành động (đọc, nghe, viết, nói, làm) của học sinh trong hoạt động học (làm minh chứng để tiến hành bước 2 và bước 3); (2) Đánh giá kết quả hoạt động của học sinh (những gì học sinh đã học được, chưa học được); (3) Phân tích nguyên nhân những gì học sinh đã học được, chưa học được; (4) Đưa ra biện pháp khắc phục hạn chế, hoàn thiện kế hoạch dạy học.

Các tổ chuyên môn xây dựng ma trận, đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kì của các môn học ở từng khối lớp với ngân hàng câu hỏi tự luận và câu hỏi trắc nghiệm khách quan theo 4 mức độ yêu cầu như sau:

- Nhận biết: Các câu hỏi yêu cầu học sinh nhận ra, nhớ lại các thông tin đã được tiếp nhận trước đó hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học.

- Thông hiểu: Các câu hỏi yêu cầu học sinh giải thích, diễn đạt được thông tin theo ý hiểu của cá nhân, so sánh, áp dụng trực tiếp kiến thức, kĩ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học.

- Vận dụng: Các câu hỏi yêu cầu học sinh sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống gắn với nội dung đã được học ở các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học.

- Vận dụng cao: Các câu hỏi yêu cầu học sinh vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống mới, các vấn đề thực tiễn phù hợp với mức độ cần đạt của chương trình môn học.

b) Đối với bài thực hành, dự án học tập

Các tổ chuyên môn xây dựng các bài kiểm tra thực hành, dự án học tập để kiểm tra, đánh giá định kì môn học ở từng khối lớp; các bài kiểm tra thực hành, dự án học tập phải nêu rõ các tiêu chí cụ thể để đánh giá phù hợp với yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

c) Tổng hợp nhận xét, đánh giá cuối học kì và cả năm học

Khuyến khích giáo viên hướng dẫn và giao cho học sinh viết tự nhận xét về ưu điểm, hạn chế, sự tiến bộ của bản thân trong học tập, rèn luyện đối với từng môn học cuối mỗi học kì; căn cứ vào kết quả đánh giá thường xuyên và định kì, giáo viên tổng hợp đưa ra nhận xét, đánh giá để học sinh hoàn thiện, chỉnh sửa và gửi cho cha mẹ học sinh.

Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét: Tổng hợp nhận xét cuối mỗi học kì và cả năm học được thông báo cho từng học sinh và ghi vào Học bạ học sinh.

III. Tổ chức thực hiện

1. Sở GDĐT chỉ đạo các Phòng GDĐT, các trường trung học phổ thông triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc hướng dẫn này; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý; định kỳ hằng năm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện về Bộ GDĐT.

2. Hiệu trưởng tổ chức xây dựng và ban hành Kế hoạch giáo dục của nhà trường, hằng năm báo cáo Sở GDĐT (đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông) và Phòng GDĐT (đối với trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) trước khi bắt đầu năm học mới.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Trung học) để được hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Cục Nhà trường;
- Các trường phổ thông trực thuộc;
- Các Cục, Vụ, Viện KHGDVN;
- Lưu: VT, Vụ GDTrH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Độ

Số: 5636/BGDĐT-GDTrH

V/v xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

*Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2023***Kính gửi: Các Sở Giáo dục và Đào tạo**

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, các cơ sở giáo dục phổ thông đã tích cực, chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất của nhà trường theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT)²⁴. Tuy nhiên, từ thực tế triển khai cho thấy việc phân công giáo viên và xếp thời khóa biểu để tổ chức dạy học theo chương trình một số môn học, hoạt động giáo dục còn khó khăn, vướng mắc.

Nhằm khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu trên, Bộ GDĐT đề nghị các Sở GDĐT hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông tiếp tục xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Trong đó lưu ý các nhà trường thực hiện việc phân công giáo viên, xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, cụ thể như sau:

1. Môn Khoa học tự nhiên

a) Phân công giáo viên: Phân công giáo viên bảo đảm sự phù hợp về chuyên môn được đào tạo của giáo viên với nội dung dạy học được phân công (theo các mạch nội dung Chất và sự biến đổi của chất, Năng lượng và sự biến đổi, Vật sống, Trái Đất và bầu trời). Việc phân công giáo viên đã được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đảm nhận dạy học từ 02 mạch nội dung hoặc toàn bộ chương trình môn học phải thực hiện từng bước, bảo đảm yêu cầu về chuyên môn của giáo viên để bảo đảm chất lượng dạy học.

b) Xây dựng kế hoạch dạy học: Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với các mạch nội dung theo chương trình môn học. Trong trường

²⁴ Công văn số [5512/BGDĐT-GDTrH](#) ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Công văn số [2613/BGDĐT-GDTrH](#) ngày 23/6/2021 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022; Công văn số [1496/BGDĐT-GDTrH](#) ngày 19/4/2022 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023; Công văn số [4020/BGDĐT-GDTrH](#) ngày 22/8/2022 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2022-2023; Công văn số [3899/BGDĐT-GDTrH](#) ngày 03/8/2023 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024.

hợp gặp khó khăn về xếp thời khóa biểu, cần xây dựng kế hoạch dạy học linh hoạt về thời gian, thời điểm thực hiện các mạch nội dung hoặc các chủ đề của chương trình để xếp thời khóa biểu phù hợp với việc phân công giáo viên, đáp ứng yêu cầu về tính khoa học, tính sư phạm (bảo đảm nội dung dạy học trước là cơ sở cho nội dung dạy học sau) và khả năng thực hiện của giáo viên (tham khảo khung kế hoạch dạy học tại Phụ lục 1).

c) Tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá: Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học; giáo viên dạy học nội dung nào thực hiện việc kiểm tra, đánh giá đối với nội dung đó. Hiệu trưởng phân công giáo viên chủ trì phụ trách môn học ở mỗi lớp phối hợp với các giáo viên cùng dạy học môn học ở lớp đó để thống nhất điểm đánh giá thường xuyên, bảo đảm số điểm đánh giá theo quy định, tổng hợp điểm, ghi điểm, nhận xét vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh và học bạ. Ma trận, nội dung bài kiểm tra định kì được xây dựng phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học của chương trình đến thời điểm kiểm tra. Hướng dẫn học sinh làm bài kiểm tra sao cho thuận tiện trong việc phân công giáo viên chấm bài, tổng hợp kết quả.

2. Môn Lịch sử và Địa lí

a) Phân công giáo viên: Phân công giáo viên bảo đảm sự phù hợp giữa chuyên môn được đào tạo của giáo viên với nội dung dạy học được phân công (theo phân môn Lịch sử, phân môn Địa lí và các chủ đề liên môn). Việc phân công giáo viên đã được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đảm nhận việc dạy học toàn bộ chương trình môn học phải thực hiện từng bước, bảo đảm yêu cầu về chuyên môn của giáo viên để bảo đảm chất lượng dạy học.

b) Xây dựng kế hoạch dạy học: Kế hoạch dạy học môn học được xây dựng theo từng phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, các phân môn được bố trí dạy học đồng thời trong từng học kì phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường (*tham khảo khung kế hoạch dạy học tại Phụ lục 2*).

c) Tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá: Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kì được thực hiện trong quá trình dạy học theo từng phân môn. Nội dung bài kiểm tra, đánh giá định kì phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học theo từng phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí tính đến thời điểm kiểm tra, đánh giá. Hiệu trưởng phân công giáo viên chủ trì phụ trách môn học ở mỗi lớp phối hợp các giáo viên cùng dạy học môn học ở lớp đó để tổng hợp điểm, ghi điểm, nhận xét vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh và học bạ (*tham khảo khung kế hoạch dạy học tại Phụ lục 2*).

3. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

a) Phân công giáo viên: Phân công giáo viên bảo đảm sự phù hợp giữa năng lực và chuyên môn của giáo viên với nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được đảm nhiệm²⁵; ưu tiên phân công giáo viên phụ trách theo từng chủ đề để thuận lợi trong việc xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, hướng dẫn và đánh giá học sinh trong quá trình trải nghiệm theo yêu cầu cần đạt của chủ đề đó.

b) Xây dựng kế hoạch giáo dục: Kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được xây dựng theo từng chủ đề; giáo viên được phân công đảm nhận chủ đề tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức hoạt động, tổ chức cho học sinh luyện tập, thực hành trải nghiệm theo yêu cầu của chương trình và tổ chức cho học sinh báo cáo, thảo luận, đánh giá về kết quả thực hiện (*tham khảo kế hoạch tổ chức thực hiện một chủ đề tại Phụ lục 3*). Việc xây dựng thời khóa biểu bảo đảm sự linh hoạt (không bắt buộc phải chia đều số tiết/tuần, không bắt buộc thực hiện lần lượt các chủ đề theo trình tự trong sách giáo khoa) sao cho mỗi chủ đề được tổ chức thực hiện trong một khoảng thời gian phù hợp với kế hoạch của giáo viên trong thời gian đó.

c) Tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá:

Giáo viên tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung, phương pháp và hình thức trải nghiệm trước khi thực hiện hoạt động trải nghiệm theo yêu cầu cần đạt của chủ đề. Đối với việc thực hiện hoạt động trải nghiệm, giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành, rèn luyện và vận dụng theo nội dung, phương pháp, hình thức hoạt động đã được hướng dẫn với yêu cầu cụ thể về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành. Quá trình trải nghiệm có thể là hoạt động của cá nhân, nhóm nhỏ hoặc nhóm lớn, ở các không gian khác nhau trong và ngoài lớp học, trong và ngoài nhà trường tùy theo nội dung và tính chất của hoạt động. Trong quá trình học sinh thực hành trải nghiệm, giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra quá trình thực hiện của học sinh.

Đối với đánh giá thường xuyên, giáo viên được phân công phụ trách chủ đề nào thực hiện đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó. Hiệu trưởng phân công giáo viên chủ trì phụ trách Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở mỗi lớp để phối hợp với các giáo viên được phân công tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở lớp đó thống nhất kết quả đánh giá thường xuyên, tổng hợp kết quả, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh và học bạ. Nội dung đánh giá định kì được xây

²⁵ Ví dụ, đối với các chủ đề hoạt động hướng tới tự nhiên, giáo viên địa lí sẽ có ưu thế trong việc tổ chức cho học sinh tìm hiểu, huy động các kiến thức và kĩ năng về bảo vệ môi trường, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; đối với chủ đề hướng nghiệp, giáo viên công nghệ sẽ có ưu thế trong việc tổ chức cho học sinh tìm hiểu kiến thức về trang thiết bị, dụng cụ lao động và các kĩ năng an toàn trong sử dụng công cụ lao động.

dụng phù hợp với nội dung và thời lượng thực hiện chương trình đến thời điểm đánh giá. Các giáo viên được phân công thống nhất về nội dung và yêu cầu đánh giá định kì, trong đó xác định cụ thể các tiêu chí đánh giá để đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình; chú trọng đánh giá thông qua sản phẩm hoạt động trải nghiệm của học sinh.

Bộ GDĐT đề nghị các Sở GDĐT triển khai thực hiện kịp thời, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo kịp thời về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Trung học) để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Cục Nhà trường, Bộ Quốc phòng;
- Ủy ban Dân tộc;
- Các trường phổ thông trực thuộc (T78, HN 80);
- Các Cục, Vụ, Viện KHGDVN;
- Lưu: VT, Vụ GDTrH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thưởng

PHỤ LỤC 1

GỢI Ý KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

(Kèm theo Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc xây dựng kế hoạch dạy học linh hoạt các mạch nội dung của chương trình môn Khoa học tự nhiên hoặc các chủ đề trong từng mạch nội dung của chương trình môn học bảo đảm phù hợp với việc phân công giáo viên. Trường hợp gặp khó khăn trong phân công giáo viên dạy học theo thứ tự các mạch nội dung trong chương trình môn học, thì cơ sở giáo dục phổ thông có thể tham khảo gợi ý khung kế hoạch dạy học sau đây để xây dựng kế hoạch giáo dục và thời khóa biểu phù hợp.

LỚP 6

| STT | Nội dung | | | | Ghi chú |
|--|------------------------------|---------------------------|---------------|---|--|
| | Chất và sự biến đổi của chất | Năng lượng và sự biến đổi | Vật sống | Trái Đất và bầu trời | |
| Học kì 1: 71 tiết (bao gồm ôn tập, kiểm tra đánh giá định kì) | | | | | |
| 1 | Mở đầu (7 tiết) | | | | Có thể phân công giáo viên Vật lí, Hóa học, Sinh học, KHTN đảm nhiệm |
| 2 | Các phép đo (10 tiết) | | | | |
| 3 | | Các thể của chất (4 tiết) | Lực (15 tiết) | Tế bào-đơn vị cơ sở của sự sống (15 tiết) | Xây dựng kế hoạch dạy học linh hoạt |

| | | | | | |
|--|--|---|----------------------|---------------------------------|---|
| | | Oxygen và không khí (3 tiết) | | Đa dạng thế giới sống (10 tiết) | |
| Học kì 2: 69 tiết (bao gồm ôn tập, kiểm tra đánh giá định kì) | | | | | |
| 4 | | Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng (8 tiết) | Năng lượng (10 tiết) | Đa dạng thế giới sống (28 tiết) | Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời, Mặt Trăng; hệ Mặt Trời; Ngân Hà (10 tiết) |
| | | Dung dịch; Tách chất ra khỏi hỗn hợp (6 tiết) | | | |
| Xây dựng kế hoạch dạy học linh hoạt | | | | | |

LỚP 7

| STT | Nội dung | | | | | Ghi chú |
|--|------------------------------|---------------------------------------|---------------|----------------------------------|--|--|
| | Chất và sự biến đổi của chất | Năng lượng và sự biến đổi | Vật sống | Trái Đất và bầu trời | | |
| Học kì 1: 71 tiết (bao gồm ôn tập, kiểm tra đánh giá định kì) | | | | | | |
| 1 | Mở đầu (6 tiết) | | | | | Có thể phân công giáo viên Vật lí, Hóa học, Sinh học, KHTN đảm nhiệm |
| 2 | | Nguyên tử. Nguyên tố hóa học (8 tiết) | Lực (11 tiết) | Trao đổi chất và chuyển hóa năng | | |

| | | | | | | |
|---|--|---|--|----------------------------|--|-------------------------------------|
| 3 | | Sơ lược về BTH các nguyên tố hóa học (7 tiết) | | lượng ở sinh vật (32 tiết) | | Xây dựng kế hoạch dạy học linh hoạt |
|---|--|---|--|----------------------------|--|-------------------------------------|

Học kì 2: 69 tiết (bao gồm ôn tập, kiểm tra đánh giá định kì)

| | | | | | | |
|---|--|-------------------|--------------------|--|--|--|
| 4 | | Phân tử (13 tiết) | Âm thanh (10 tiết) | Cảm ứng, Sinh trưởng và phát triển, Sinh sản ở sinh vật; Cơ thể sinh vật là một thể thống nhất (21 tiết) | | Nội dung “Giới thiệu về liên kết hoá học” cần dạy trước nội dung “Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở sinh vật” |
| | | | Ánh sáng (8 tiết) | | | |
| | | | Từ (10 tiết) | | | |

LỚP 8

| STT | Nội dung | | | | Ghi chú |
|-----|------------------------------|---------------------------|----------|----------------------|---------|
| | Chất và sự biến đổi của chất | Năng lượng và sự biến đổi | Vật sống | Trái Đất và bầu trời | |

Học kì 1: 72 tiết (bao gồm ôn tập, kiểm tra đánh giá định kì)

| | | | | | | |
|---|-----------------|--|--|--|--|--|
| 1 | Mở đầu (3 tiết) | | | | | Có thể phân công giáo viên Vật lí, Hóa học, Sinh học, KHTN đảm nhiệm |
|---|-----------------|--|--|--|--|--|

| | | | | | |
|---|--|---|---------------------------------------|---------------------------------|---|
| 2 | | Phản ứng hóa học: | Lực (8 tiết) | Sinh học cơ thể người (22 tiết) | Nội dung "Đòn bẩy và mô men lực" cần dạy trước nội dung "Hệ vận động ở người" |
| | | Tốc độ phản ứng và chất xúc tác (21 tiết) | Khối lượng riêng và áp suất (11 tiết) | | |

Học kì 2: 68 tiết (bao gồm ôn tập, kiểm tra đánh giá định kì)

| | | | | | |
|---|--|---|----------------------------------|---|-------------------------------------|
| 3 | | Acid - Base - pH - Oxide - Muối; Phân bón hóa học (20 tiết) | Năng lượng và cuộc sống (8 tiết) | Sinh học cơ thể người (tiếp): <i>Da và điều hoà thân nhiệt ở người, Sinh sản</i> (6 tiết) | Xây dựng kế hoạch dạy học linh hoạt |
| | | | Điện (12 tiết) | Môi trường; hệ sinh thái (12 tiết) | |
| | | | | Sinh quyển và các khu sinh học trên Trái Đất (3 tiết) | |

LỚP 9

| STT | Nội dung | | | | Ghi chú |
|--|------------------------------|---------------------------|----------|----------------------|---------|
| | Chất và sự biến đổi của chất | Năng lượng và sự biến đổi | Vật sống | Trái Đất và bầu trời | |
| Học kì 1: 72 tiết (bao gồm ôn tập, kiểm tra đánh giá định kì) | | | | | |

| | | | | | | |
|--|-----------------|--|---|--|--|--|
| 1 | Mở đầu (3 tiết) | | | | | Có thể phân công giáo viên Vật lí, Hóa học, Sinh học, KHTN đảm nhiệm |
| 2 | | Hóa học hữu cơ (25 tiết) | Năng lượng cơ học (10 tiết) Ánh sáng (12 tiết) | Di truyền: Mendel và di truyền học Nhiễm sắc thể (15 tiết) | | Xây dựng kế hoạch dạy học linh hoạt |
| Học kì 2: 68 tiết (bao gồm ôn tập, kiểm tra đánh giá định kì) | | | | | | |
| 3 | | Kim loại (12 tiết) Sự khác nhau giữa phi kim và kim loại (6 tiết) | Điện (10 tiết) | | | Xây dựng kế hoạch dạy học linh hoạt |
| 4 | | | Điện từ (7 tiết) | Di truyền (tiếp) và Tiến hóa (20 tiết) | Khai thác tài nguyên từ vỏ Trái Đất; Sơ lược “Hóa học về vỏ Trái Đất” (6 tiết) | |

PHỤ LỤC 2

GỢI Ý KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

(Kèm theo Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Sự phân chia số tiết cho các nội dung dạy học của phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí dưới đây là gợi ý chung, các cơ sở giáo dục phổ thông có thể điều chỉnh linh hoạt để phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học và trình độ nhận thức của học sinh ở các cơ sở giáo dục. Đối với bài kiểm tra định kì trên giấy hoặc máy tính thời lượng kiểm tra cho mỗi phân môn Lịch sử và Phân môn Địa lí là 45 phút.

1. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

| STT | NỘI DUNG |
|--|--|
| Lớp 6 | |
| Đầu học kì I (Tuần 1 đến tuần 9; 14 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Tại sao cần học lịch sử? (3 tiết) - Thời nguyên thủy (6 tiết) - Xã hội cổ đại (3 tiết). |
| Cuối học kì I (Tuần 10 đến tuần 18; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Xã hội cổ đại (tiếp) (6 tiết) - Đông Nam Á từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên đến thế kỉ X (5 tiết). |
| Đầu học kì II (Tuần 19 đến tuần 27; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII trước Công nguyên đến đầu thế kỉ X. - Nước Văn Lang, Âu Lạc (5 tiết) |

| | |
|---|--|
| | - Thời Bắc thuộc và chống Bắc thuộc (từ thế kỉ II trước Công nguyên đến năm 938) (6 tiết) |
| Cuối học kì II (Tuần 28 đến tuần 35; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Thời Bắc thuộc và chống Bắc thuộc (từ thế kỉ II trước Công nguyên đến năm 938) (6 tiết) - Vương quốc Chăm-pa và vương quốc Phù Nam (5 tiết) |
| Lớp 7 | |
| Đầu học kì I (Tuần 1 đến tuần 9; 14 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Tây Âu từ thế kỉ V đến nửa đầu thế kỉ XVI (7 tiết) - Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (5 tiết) |
| Cuối học kì I (Tuần 10 đến tuần 18; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX (4 tiết) - Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI (4 tiết) - Chủ đề chung: Đô thị - lịch sử và hiện tại (3 tiết) |
| Đầu học kì II (Tuần 19 đến tuần 27; 13 tiết bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Việt Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI (11 tiết) |
| Cuối học kì II (Tuần 28 đến tuần 35; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Việt Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI (9 tiết) - Vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI (2 tiết) |
| Lớp 8 | |

| | |
|---|---|
| <p>Đầu học kì I (Tuần 1 đến tuần 9; 14 tiết bao gồm cả ôn tập và kiểm tra)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Châu Âu và Bắc Mỹ từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII (4 tiết) - Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX (2 tiết) - Việt Nam từ đầu thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII (6 tiết) |
| <p>Cuối học kì I (Tuần 10 đến tuần 18; 13 tiết bao gồm cả ôn tập và kiểm tra)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam từ đầu thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII (5 tiết) - Châu Âu và nước Mỹ từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX (6 tiết) |
| <p>Đầu học kì II (Tuần 19 đến tuần 27; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII - XIX (2 tiết) - Châu Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX (5 tiết) - Việt Nam từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX (4 tiết) |
| <p>Cuối học kì II (Tuần 28 đến tuần 35; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX (tiếp) (7 tiết) - Chủ đề chung: văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long (4 tiết) |
| Lớp 9 | |
| <p>Đầu học kì I (Tuần 1 đến tuần 9; 14 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Thế giới từ năm 1918 đến năm 1945 (6 tiết) - Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 (6 tiết) |
| <p>Cuối học kì I</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Thế giới từ năm 1945 đến năm 1991 (11 tiết) |

| | |
|---|--|
| (Tuần 10 đến tuần 18; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | |
| Đầu học kì II (Tuần 19 đến tuần 27; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991 (11 tiết) |
| Cuối học kì II (Tuần 28 đến tuần 35; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Thế giới từ năm 1991 đến nay (4 tiết) - Việt Nam từ năm 1991 đến nay (1 tiết) - Cách mạng khoa học kỹ thuật và xu thế toàn cầu hoá (1 tiết) - Chủ đề chung đô thị: Lịch sử và hiện tại (2) (2 tiết). - Chủ đề chung: Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông (3) (3 tiết) |

2. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

| STT | NỘI DUNG |
|---|---|
| Lớp 6 | |
| Đầu học kì I (Tuần 1 đến tuần 9; 14 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Tại sao cần học địa lí (1 tiết) - Bản đồ: Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất (5 tiết) - Trái đất - Hành tinh của hệ Mặt Trời (6 tiết) |
| Cuối học kì I | - Cấu tạo của Trái Đất, vỏ Trái Đất (5 tiết) |

| | |
|--|---|
| (Tuần 10 đến tuần 18; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Khí hậu và biến đổi khí hậu (6 tiết) |
| Đầu học kì II (Tuần 19 đến tuần 27; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Nước trên Trái Đất (5 tiết) - Đất trên Trái Đất (6 tiết) |
| Cuối học kì II (Tuần 28 đến tuần 35; 12 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Sinh vật trên Trái Đất (5 tiết) - Con người và thiên nhiên (5 tiết) |
| Lớp 7 | |
| Đầu học kì I (Tuần 1 đến tuần 9; 14 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Châu Âu (6 tiết) - Châu Á (6 tiết) |
| Cuối học kì I (Tuần 10 đến tuần 18; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Châu Phi (7 tiết) - Chủ đề chung: Các cuộc đại phát kiến địa lí (4 tiết) |
| Đầu học kì II (Tuần 19 đến tuần 27; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Châu Mỹ (8 tiết) - Châu Đại Dương (3 tiết) |
| Cuối học kì II | - Châu Đại Dương (4 tiết) |

| | |
|---|--|
| (Tuần 28 đến tuần 35; 12 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Châu Nam Cực (6 tiết) |
| Lớp 8 | |
| Đầu học kì I (Tuần 1 đến tuần 9; 14 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam (3 tiết) - Đặc điểm địa hình Việt Nam (6 tiết) - Đặc điểm khoáng sản Việt Nam (3 tiết) |
| Cuối học kì I (Tuần 10 đến tuần 18; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Đặc điểm khí hậu Việt Nam (6 tiết) - Đặc điểm thủy văn Việt Nam (5 tiết) |
| Đầu học kì II (Tuần 19 đến tuần 27; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Đặc điểm Thổ nhưỡng Việt Nam (6 tiết) - Đặc điểm sinh vật Việt Nam (5 tiết) |
| Cuối học kì II (Tuần 28 đến tuần 35; 12 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Biển đảo Việt Nam (5 tiết) - Chủ đề chung: Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển đông (1) (5 tiết) |
| Lớp 9 | |
| Đầu học kì I (Tuần 1 đến tuần 9; 14 tiết bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | - Địa lí dân cư Việt Nam (4 tiết) - Địa lí các ngành kinh tế + <i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (4 tiết)</i> |

| | |
|---|---|
| | + <i>Công nghiệp (4 tiết)</i> |
| Cuối học kì I (Tuần 10 đến tuần 18; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | + Dịch vụ (4 tiết) - Sự phân hoá lãnh thổ + <i>Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (3 tiết)</i> + <i>Vùng Đồng bằng sông Hồng (4 tiết)</i> |
| Đầu học kì II (Tuần 19 đến tuần 27; 12 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | + <i>Bắc Trung Bộ (3 tiết)</i> + <i>Duyên hải Nam Trung Bộ (3 tiết)</i> + <i>Vùng Tây Nguyên (4 tiết)</i> |
| Cuối học kì II (Tuần 28 đến tuần 35; 13 tiết, bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) | + <i>Vùng Đông Nam Bộ (3 tiết)</i> + <i>Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (3 tiết)</i> + <i>Chủ đề chung: Văn minh châu thổ Sông Hồng và Sông Cửu Long (2) (3 tiết)</i> + <i>Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo (2 tiết)</i> |

PHỤ LỤC 3

MINH HỌA VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP²⁶ (Kèm theo Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| STT | Nội dung hoạt động | Tổ chức thực hiện ²⁷ | Kết quả/sản phẩm | Ví dụ minh họa ²⁸ |
|-----|---|---|--|---|
| 1. | Tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung, phương pháp và hình thức trải nghiệm của chủ đề | Hoạt động có thể tổ chức trong không gian lớp học sử dụng sách giáo khoa và các phương tiện, tài liệu học liệu phù hợp đề tổ chức cho học | Học sinh xác định được các nội dung, hình thức, phương pháp chuẩn bị cho việc thực hành, luyện tập, trải nghiệm theo yêu cầu của chủ đề. | <p>Chủ đề “Rèn luyện thói quen” (Lớp 7)</p> <p>Yêu cầu cần đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân trong học tập và cuộc sống; - Nhận ra được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân; - Thể hiện được thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ ở gia đình cũng như ở trường <p>1. Tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức trải nghiệm</p> |

²⁶ Mỗi một chủ đề được thiết kế và tổ chức cần thực hiện theo chuỗi hoạt động bao gồm: Hoạt động tìm hiểu các nội dung, phương pháp và hình thức trải nghiệm (khám phá và kết nối); Hoạt động thực hành trải nghiệm (rèn luyện và vận dụng) và Hoạt động thảo luận báo cáo để đánh giá kết quả trải nghiệm. Giáo viên được phân công chủ đề nào sẽ chịu trách nhiệm thiết kế và tổ chức thực hiện chuỗi hoạt động theo chủ đề.

²⁷ Thời lượng, địa điểm, không gian, quy mô tổ chức, thiết bị, điều kiện cơ sở vật chất để tổ chức hoạt động, các lực lượng phối hợp (nếu có). Việc lựa chọn hình thức, không gian và quy mô tổ chức hoạt động được xác định dựa trên các yêu cầu cần đạt của chủ đề, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với đối tượng học sinh cũng như điều kiện thực tế tại nhà trường.

²⁸ Ví dụ được sử dụng để minh họa cho việc tổ chức thực hiện theo chuỗi hoạt động của chủ đề.

| | | | | |
|----|--|---|---|---|
| | | sinh thực hiện. | | - Nội dung: Giáo viên tổ chức cho học sinh tìm hiểu công cụ để nhận biết điểm mạnh, điểm yếu và phát huy các giá trị bản thân; thang đo cảm xúc và cách kiểm chế cảm xúc tiêu cực trong các tình huống khác nhau; cách xây dựng kế hoạch để duy trì thói quen gọn gàng, ngăn nắp... |
| 2. | Tổ chức cho học sinh thực hành trải nghiệm | Hoạt động rèn luyện có thể tổ chức trong và ngoài không gian lớp học, trong và ngoài nhà trường. Học sinh trải nghiệm theo cá nhân hoặc nhóm. | Học sinh điều chỉnh được những hiểu biết, kỹ năng, thái độ mong đợi dựa trên những bài học được khái quát và tổng kết. Học sinh vận dụng được kiến thức và kỹ năng mới vào thực tế (hoặc một bối cảnh/hoàn cảnh/điều kiện có ý nghĩa; phát huy được sự sáng tạo trong tư duy, hành động, việc làm để chuẩn bị ứng phó với các tình huống cuộc sống đặt ra. | - Cách thức tổ chức: Tổ chức theo nhóm nhỏ trong lớp học - Kết quả/sản phẩm: Học sinh xác định cách nhận biết các điểm mạnh, điểm yếu của bản thân; khả năng kiểm soát của bản thân và cách xây dựng thói quen ngăn nắp gọn gàng, sạch sẽ ở gia đình và nhà trường 2. Thực hành trải nghiệm - Nội dung: + <i>Luyện tập:</i> Giáo viên tổ chức cho học sinh đóng kịch tương tác về kiểm soát cảm xúc; làm bài tập nhóm “Cây giá trị” để nhận biết điểm mạnh; tham gia triển lãm ảnh “Góc học tập của em” ... + <i>Vận dụng:</i> Giáo viên dành thời gian đưa ra các nội dung trải nghiệm cho học lựa chọn như lập kế hoạch, thực hiện và cam kết duy trì dự án “Lớp học, sạch đẹp”; Kế hoạch duy trì thói quen tích cực của bản thân; Theo dõi khả năng kiểm soát bản thân trong nhiều ngày/nhiều tuần qua bảng phiếu cảm xúc cá nhân... - Cách thức tổ chức: |
| | | Hoạt động vận dụng, mở rộng cho phép học sinh có thể trải nghiệm thực tế ở các không gian khác nhau (trong nhà | | |

| | | | | |
|---|---|---|--|--|
| | | trường, tại gia đình và ngoài cộng đồng) với thời lượng phù hợp (tùy vào nội dung có thể kéo dài một hoặc nhiều tuần). Học sinh trải nghiệm theo cá nhân hoặc nhóm. | | <p>+ <i>Luyện tập</i>: Giáo viên tổ chức học sinh trải nghiệm cá nhân và nhóm nhỏ trong lớp học.</p> <p>+ <i>Vận dụng</i>: Giáo viên yêu cầu học sinh trải nghiệm tại gia đình, phụ huynh hỗ trợ theo dõi duy trì thói quen (sau khi dành thời gian hướng dẫn và giao nhiệm vụ trên lớp).</p> <p>- Kết quả/sản phẩm:</p> <p>+ <i>Luyện tập</i>: Học sinh biết cách điều chỉnh điểm yếu, phát huy điểm mạnh qua “Cây giá trị”; biết cách kiểm soát cảm xúc tiêu cực của cá nhân qua đóng vai các nhân vật xử lý tình huống; biết cách sắp xếp góc học tập cá nhân để chụp ảnh cho triển lãm “Góc học tập của em”;</p> <p>+ <i>Vận dụng</i>: Học sinh thực hiện được cam kết và duy trì dự án “Lớp học, sạch đẹp”; Xây dựng được kế hoạch duy trì thói quen tích cực của bản thân; Theo dõi khả năng kiểm soát bản thân trong nhiều ngày/nhiều tuần qua bảng phiếu cảm xúc cá nhân...</p> |
| 3 | Tổ chức cho học sinh thảo luận, báo cáo và đánh giá kết quả trải nghiệm | Hoạt động có thể tổ chức trong không gian lớp học (thảo luận, chia sẻ giữa các nhóm nhỏ trong lớp) hoặc ngoài lớp học (thảo luận, chia sẻ | Học sinh trình bày được sản phẩm trải nghiệm của nhóm hoặc cá nhân theo yêu cầu chủ đề và tiến hành tự đánh giá. | <p>2. Báo cáo, thảo luận, đánh giá</p> <p>- Nội dung: Giáo viên tổ chức cho học sinh báo cáo các sản phẩm trải nghiệm. Giáo viên sử dụng sản phẩm làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của học sinh.</p> <p>- Cách thức tổ chức: Tổ chức sinh hoạt giữa các nhóm trong lớp báo cáo sản phẩm cá nhân; chia sẻ sản phẩm dự án với các lớp khác trong khuôn viên sân trường.</p> |

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | <p>với các lớp khác) trong khuôn viên nhà trường tùy vào sản phẩm trải nghiệm đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề</p> | <p>- Kết quả/sản phẩm: Học sinh thảo luận, báo cáo về kết quả duy trì thói quen tích cực của bản thân (tranh ảnh, video...); Học sinh chia sẻ về dự án "Lớp học, sạch đẹp" với các lớp khác trong nhà trường...</p> |
|--|--|--|--|

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3935/BGDĐT-GDTrH

V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục
trung học năm học 2024-2025

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Các Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đề nghị các Sở GDĐT chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

A. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018²⁹ (CT GDPT 2018) đối với tất cả các khối lớp, trong đó tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện triển khai CT GDPT 2018 đối với lớp 9, lớp 12 bảo đảm hoàn thành chương trình năm học và nâng cao chất lượng giáo dục trung học. Chuẩn bị tổ chức đánh giá tổng kết việc triển khai thực hiện CT GDPT 2018 giai đoạn 2020-2025.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đa dạng hóa hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp phát triển các kỹ năng cho học sinh; thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục STEM, giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và sau trung học phổ thông.

3. Chú trọng thực hiện công tác phát triển mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm yêu cầu triển khai CT GDPT 2018; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

4. Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm chất lượng thực hiện CT GDPT 2018; chú trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên.

²⁹ Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020, Thông tư số 19/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022; Quyết định số 712/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Hàn và Tiếng Đức - Ngoại ngữ 1, hệ 10 năm thí điểm.

5. Thực hiện hiệu quả việc quản lý giáo dục, quản trị trường học; bảo đảm dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả trong các cơ sở giáo dục trung học; tổ chức tốt các phong trào thi đua. Tăng cường công tác tư vấn, hướng dẫn, giám sát, thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền.

6. Triển khai thực hiện hiệu quả, thiết thực chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục; tập trung thực hiện chuyển đổi số trong quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

B. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

I. Thực hiện chương trình giáo dục trung học

1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

Các Sở GDĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục trung học xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường và tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường³⁰, trong đó lưu ý một số nội dung sau:

a) Kế hoạch giáo dục của nhà trường thể hiện việc huy động đầy đủ nguồn lực, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có của nhà trường trong kế hoạch giáo dục của các môn học, hoạt động giáo dục; lưu ý việc xây dựng phân phối chương trình các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp phù hợp với tình hình thực tế để phát huy hiệu quả năng lực đội ngũ giáo viên của nhà trường³¹. Tiếp tục thực hiện chương trình các môn ngoại ngữ theo CT GDPT 2006 đối với đối tượng học sinh chưa học được ngoại ngữ theo CT GDPT 2018.

b) Đối với trường chuyên, tiếp tục thực hiện dạy học theo hướng dẫn tại Công văn số 4171/BGDĐT-GDTrH ngày 26/8/2022 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn nội dung dạy học các môn chuyên cấp trung học phổ thông.

c) Đối với các môn học lựa chọn và các chuyên đề học tập lựa chọn cấp trung học phổ thông: Tăng cường xếp các lớp học riêng theo từng môn học lựa chọn, chuyên đề học tập lựa chọn, linh hoạt bố trí sĩ số học sinh theo từng lớp học để đáp ứng tối đa nguyện vọng của học sinh; phân công giáo viên và xây dựng thời khóa biểu giữa các lớp học bảo đảm tính khoa học; tổ chức tốt việc tư vấn và cho học sinh đăng kí, lựa chọn các môn học, chuyên đề học tập lựa chọn bảo đảm công khai, minh bạch.

³⁰ Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 về việc triển khai thực hiện chương trình.

³¹ Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT về xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

d) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện văn hóa học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục; tích hợp nội dung giáo dục quyền con người; tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các nội dung giáo dục pháp luật về an toàn giao thông; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và đạo đức liêm chính; giáo dục bình đẳng giới; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù, loà cho học sinh; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyển đổi và các nội dung giáo dục lồng ghép khác.

đ) Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật; triển khai mô hình giáo dục từ xa cho học sinh khuyết tật không có điều kiện đến trường dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông phù hợp với điều kiện của địa phương, cơ sở giáo dục.

e) Chỉ đạo các trường vùng dân tộc thiểu số có đủ điều kiện về giáo viên, cơ sở vật chất tổ chức dạy học 02 buổi/ngày theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm; tăng cường phụ đạo cho học sinh còn hạn chế về kết quả học tập; tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số và tổ chức dạy học các môn học tiếng dân tộc thiểu số khi có đủ điều kiện theo quy định.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

a) Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với nội dung bài học để tổ chức các hoạt động học tập của học sinh bảo đảm chất lượng, dành nhiều thời gian cho học sinh khai thác sử dụng sách giáo khoa, thực hành, thí nghiệm để tiếp nhận và vận dụng kiến thức thông qua thực hiện nhiệm vụ được giao và hoàn thành sản phẩm học tập cụ thể theo yêu cầu của giáo viên. Đa dạng các hình thức tổ chức dạy học (trong và ngoài lớp học, trong và ngoài khuôn viên nhà trường), khuyến khích các hình thức dạy học nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của học sinh.

b) Tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của CT GDPT 2018; tăng cường phối hợp, huy động, trao đổi giáo viên giữa các trường trong khu vực để sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

a) Thực hiện đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông

theo đúng quy định³², không vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình, lưu ý một số nội dung như: xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; tăng cường thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập. Đối với môn Ngữ văn, tránh sử dụng những văn bản, đoạn trích đã được học trong sách giáo khoa để làm ngữ liệu kiểm tra đánh giá năng lực đọc hiểu và viết trong các đề kiểm tra định kì nhằm khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn³³.

b) Tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ma trận đề kiểm tra theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học; chuẩn bị cho học sinh lớp 9 làm quen với định hướng đề thi tuyển sinh vào lớp 10, học sinh lớp 12 làm quen với định hướng đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông³⁴.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng

a) Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong các cơ sở giáo dục trung học, trong đó tập trung đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp; tăng cường tư vấn hướng nghiệp theo định hướng nghề nghiệp cấp trung học phổ thông³⁵.

b) Định hướng hiệu quả việc phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và sau trung học phổ thông theo học các chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng của học sinh; tạo môi trường hỗ trợ khởi nghiệp trong trường trung học; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng về lựa chọn nghề nghiệp, khởi nghiệp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp của học sinh trung học.

II. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trung học, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở

1. Phát triển mạng lưới trường, lớp

a) Phát triển mạng lưới trường, lớp gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trung học. Tiếp tục đầu tư nguồn lực xây dựng trường chuẩn quốc gia gắn với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

b) Tiếp tục đổi mới mô hình tổ chức và quản lý hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên đáp ứng mục tiêu phát triển năng khiếu về một số môn học cho

³² Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

³³ Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ GDĐT hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

³⁴ Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT ngày 08/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cấu trúc định dạng đề thi kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025.

³⁵ Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong GDPT giai đoạn 2018-2025".

học sinh đạt kết quả tốt trong rèn luyện và học tập trên cơ sở bảo đảm giáo dục phổ thông toàn diện, tạo nguồn đào tạo nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

2. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

a) Thực hiện tốt việc tuyển dụng giáo viên bảo đảm số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu, nhất là giáo viên các môn Tin học, Ngoại ngữ, Mĩ thuật, Âm nhạc, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí đáp ứng yêu cầu triển khai CT GDPT 2018³⁶. Tiếp tục thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên trung học cơ sở theo quy định của Chính phủ.

b) Thường xuyên rà soát, bổ sung đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học, hoạt động giáo dục; phát huy hiệu quả đội ngũ giáo viên cốt cán, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán để triển khai bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông đại trà; gắn việc tập huấn sử dụng sách giáo khoa với nội dung bồi dưỡng thường xuyên và nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường. Nâng cao hiệu quả tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp, tư vấn cho học sinh trung học.

3. Bảo đảm sách giáo khoa và tài liệu giáo dục địa phương

a) Phát huy cao nhất vai trò tự chủ về chuyên môn của giáo viên, cơ sở giáo dục trong việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa theo quy định. Phối hợp với các Nhà xuất bản tập huấn cho giáo viên sử dụng sách giáo khoa và cung ứng sách giáo khoa cho học sinh đầy đủ, kịp thời trước khai giảng năm học 2024-2025 và chuẩn bị cho các năm học tiếp theo, bảo đảm kịp thời, chất lượng, đúng quy định.

b) Hoàn thành việc tổ chức biên soạn, thẩm định, cung cấp tài liệu giáo dục của địa phương lớp 9 và lớp 12 (đối với các địa phương chưa hoàn thành) kịp thời triển khai năm học 2024-2025.

4. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

a) Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học; đầu tư và tận dụng tối đa cơ sở vật chất của nhà trường để có thể tổ chức dạy học nhiều hơn 06 buổi/tuần, bảo đảm chủ động, linh hoạt thực hiện chương trình.

b) Tiếp tục phát triển học liệu số để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

III. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục

Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục

³⁶ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

trung học, trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả các nội dung sau:

1. Chủ động rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành các nghị quyết quy định chính sách của địa phương đảm bảo điều kiện triển khai CT GDPT 2018. Ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học phù hợp với điều kiện của địa phương, cơ sở giáo dục. Tích cực tham mưu, góp ý xây dựng, điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính phủ và Kế hoạch số 390/KH-BGDĐT ngày 22/4/2024 của Bộ GDĐT³⁷.

2. Chỉ đạo các nhà trường đẩy mạnh quản trị hoạt động dạy học và giáo dục gắn liền với quản trị nhân sự, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và tài chính thông qua việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Giao quyền tự chủ cho tổ chuyên môn trong việc quản lý kế hoạch giáo dục cá nhân và kế hoạch bài dạy của giáo viên, bảo đảm chất lượng, thiết thực, hiệu quả.

3. Tăng cường chuyên đổi số trong dạy học và quản lý, thực hiện hiệu quả việc tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường. Tổ chức triển khai tốt việc chuyên đổi số trong dạy học, kiểm tra đánh giá và quản trị nhà trường theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ³⁸; tập trung chỉ đạo thực hiện việc chuyên đổi số trong quản lý kết quả học tập, rèn luyện của học sinh cấp trung học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

4. Thực hiện nghiêm quy định về quản lý, sử dụng xuất bản phẩm tham khảo³⁹. Đặc biệt lưu ý chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên kiểm soát chặt chẽ nội dung, không đề xuất bản phẩm tham khảo có nội dung vi phạm chủ quyền biển đảo, truyền thống văn hoá, thuần phong mỹ tục của Việt Nam đưa vào sử dụng trong dạy học.

5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục và hợp tác quốc tế trong giáo dục trung học gắn với việc tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra: các cơ sở giáo dục trung học tư thục, các cơ sở giáo dục có hợp tác, đầu tư của nước ngoài, việc liên kết với các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện các hoạt động giáo dục; các chương trình giáo dục tích hợp, chương trình giáo dục của nước ngoài, chương trình giáo dục bằng tiếng nước ngoài⁴⁰; nội dung giáo dục bắt buộc dành cho học sinh Việt Nam tại các cơ sở giáo dục tư thục có vốn đầu tư nước ngoài⁴¹.

6. Tham gia tổ chức các kì thi, cuộc thi bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy

³⁷ Kế hoạch của Bộ GDĐT triển khai thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 ngày 18/9/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề về việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới CT, SGK GDPT.

³⁸ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

³⁹ Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

⁴⁰ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018; Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17/12/2014.

⁴¹ Thông tư 04/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020.

định. Chuẩn bị tốt cho việc tổ chức kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông tại địa phương và các kì thi, cuộc thi cấp quốc gia, quốc tế, đảm bảo công bằng, khách quan, trung thực theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Chọn lọc tổ chức hoặc tham gia các cuộc thi của địa phương theo chủ trương tinh giảm các kỳ thi, cuộc thi, hội thi⁴² nhằm giảm áp lực đối với giáo viên và học sinh.

7. **Đẩy mạnh công tác truyền thông:** Chủ động cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa phương về tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới đối với giáo dục trung học; tình hình và kết quả triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới đối với giáo dục trung học tạo sự đồng thuận của xã hội, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các kết quả hoạt động của ngành; các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ các cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

8. Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện chính sách, pháp luật về GDĐT, trong đó chú trọng các nội dung kiểm tra: công tác triển khai thực hiện CT GDPT 2018; việc dạy thêm, học thêm; tổ chức lựa chọn sách giáo khoa; quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục; công tác quản lý hoạt động dạy học; công tác tuyển sinh đầu cấp; việc chuyên trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông⁴³.

IV. Công tác thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với các cơ sở giáo dục trung học, cán bộ quản lý và giáo viên trung học theo quy định. Lưu ý việc xây dựng và khen thưởng các cơ sở giáo dục phổ thông điển hình về đổi mới.

2. Cụ thể hóa các tiêu chí thi đua theo hướng dẫn của Bộ GDĐT thành các hoạt động cụ thể để thực hiện có chất lượng, hiệu quả các mặt công tác trong nhiệm vụ năm học; bảo đảm công bằng, minh bạch, gắn với hiệu quả công việc.

3. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trung học thực hiện tốt việc khen thưởng, kỉ luật vì sự tiến bộ của học sinh; bảo đảm thực hiện đúng quy định, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời, tạo cảm hứng và động lực phấn đấu cho học sinh; tăng cường các biện pháp giáo dục kỉ luật tích cực để rèn luyện ý thức kỉ luật, trách nhiệm của học sinh đối với bản thân, thầy, cô, bạn bè, gia đình và cộng đồng.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở những nội dung hướng dẫn tại Công văn này, căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, Sở GDĐT xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện

⁴² Công văn số 5814/BGDĐT-GDTrH ngày 07/12/2017 về tổ chức các cuộc thi dành cho học sinh phổ thông từ năm học 2017-2018.

⁴³ Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BGDĐT ngày 12/8/2022 của Bộ GDĐT hợp nhất Quyết định về việc ban hành Quy định chuyên trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường THCS và THPT; Công văn số 68/BGDĐT-GDTrH ngày 06/01/2023 hướng dẫn chuyên đổi môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập cấp trung học phổ thông.

nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Sở GDĐT phản ánh về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Trung học) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các trường phổ thông trực thuộc các bộ, ngành;
- Các đại học, trường đại học có trường trung học;
- Các cơ quan thuộc Bộ (để thực hiện);
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ GDTrH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thưởng